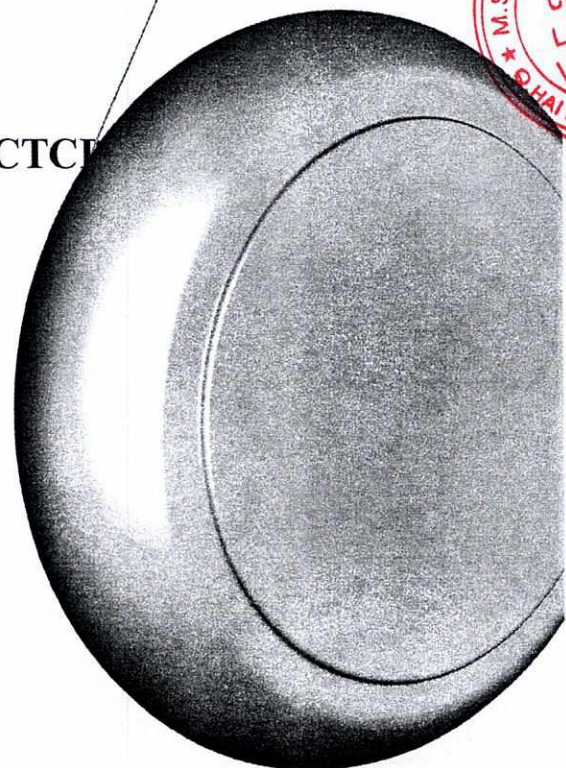




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, tháng 4 năm 2022



MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	3
1. Thông tin chung	3
2. Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển	12
5. Các rủi ro.....	14
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	19
2. Tổ chức và nhân sự	20
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	23
4. Tình hình tài chính Công ty mẹ.....	27
5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm.....	29
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	29
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	33
2. Tình hình tài chính	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	34
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	34
4.1. Công tác chỉ đạo điều hành	34
4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động.....	35
4.3. Công tác thị trường.....	36
4.4. Công tác quản lý tài chính.....	37
4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động.....	37
4.6. Công tác đầu tư.....	37

4.7. Công tác phát triển nguồn nhân lực.....	38
4.8. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty.....	38
4.9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.....	38
4.10. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng	38
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty	38
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	40
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty	40
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty	43
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT	44
PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021	46

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

- Tên Công ty/ Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP**
- Tên Tiếng Anh : Vietnam Machinery Installation Corporation – JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06/04/2016
- Vốn điều lệ : 797.261.040.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 797.261.040.000 đồng
- Địa chỉ : Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại : 024 38637747
- Số fax : 024 3863 8104
- Website : <http://www.lilama.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : LLM

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (gọi tắt là LILAMA) trước đây là doanh nghiệp do Bộ Xây dựng sở hữu 100% vốn điều lệ; hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp, gia công, chế tạo thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và phương tiện, máy móc thi công chuyên ngành tiên tiến.

❖ Giai đoạn 1960 - 1975:

Ngày 01/12/1960, Công ty Lắp máy được ra đời. Từ những bước chập chững đầu tiên, người thợ lắp máy đã tham gia lắp đặt thành công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng và quốc phòng quan trọng như: Thủy điện Thác Bà, Cao Bằng, nhiệt điện Hàm Rồng, Lào Cai, Việt Trì, Ninh Bình, Uông Bí, khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy đường Vạn Điểm 2, nhà máy Suppe phốt phát

Lâm Thao, nhà máy cơ khí Cẩm Phả, nhà máy Dệt 8/3, nhà máy xi măng Hải Phòng mở rộng...

Năm 1960, Công ty đã vinh dự nhận cờ thi đua của Hồ Chủ tịch, nhiều lần được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa, Chính phủ tặng cờ thi đua, bằng khen...

❖ **Giai đoạn 1976 - 1995:**

Ngày 11/10/1979, Công ty Lắp máy chuyển sang hoạt động theo mô hình Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy.

Từ năm 1993 khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng vọt, nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai đầu tư xây dựng. Những người thợ Lắp máy lại tiếp tục thực hiện, hoàn thành bàn giao nhiều công trình đúng, vượt tiến độ với chất lượng cao như công trình: Chân đế giàn khoan Dầu khí, nhà máy Giấy Bãi Bằng, nhà máy Giấy Tân Mai, lắp các trạm biến áp, trạm bù, gia công trên 3000 tấn cột điện thuộc hệ thống đường dây tải điện 500 KV Bắc Nam và hàng ngàn tấn cột phát sóng truyền hình Viba trong cả nước, gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy bột ngọt VEDAN, nhà máy Xi măng Chinfon, Hải Phòng, thủy điện Trị An, Thác Mơ, Yaly đạt yêu cầu; tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn ở nước ngoài như trường đại học Oran ở Angiêri, nhà máy nhiệt điện ở Bungari, Liên bang Nga và các công trình ở I rắc, Libi... Đặc biệt chế tạo được các loại bình, bồn, bể chứa khí gas, chứa dầu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho các dự án như Shell Gas Hải Phòng, Sài Gòn Petro, Petro Việt Nam...

Ngày 01/12/1995, ngành Lắp máy Việt Nam lại một lần nữa chuyển đổi mô hình hoạt động từ Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy thành Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Đây là bước ngoặt, đánh dấu sự thay đổi to lớn về chất cho các doanh nghiệp nhà nước nói chung và Tổng công ty lắp máy Việt Nam nói riêng.

Những đóng góp của LILAMA đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 1 Huân chương Chiến công
- + 5 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 3 Huân chương Độc lập hạng Nhất

❖ **Giai đoạn 1996 - 2000:**

Ban Lãnh đạo LILAMA đã xây dựng "*Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2010*", chia làm

ba giai đoạn theo đúng định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đây là chiến lược phát triển đúng đắn, táo bạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn phát triển của Tổng công ty và đất nước.

Công tác chế tạo và lắp đặt thiết bị được áp dụng theo công nghệ hiện đại với những thiết bị thi công tiên tiến mang lại thành công to lớn cho ngành Lắp máy. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, thời gian thi công được rút ngắn ví dụ như: nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 công suất 440MW trước đây lắp đặt trong 8 năm, nay nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 có công suất gần gấp 1,5 lần thời gian thi công dưới 2 năm, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có công suất 1.080MW chỉ thi công trong gần 2 năm. Tiến độ thi công các công trình được thực hiện nhanh chóng nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu khắt khe về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trải qua quá trình phấn đấu, phát triển không ngừng, thành tích của Tổng công ty được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 2000.

❖ **Giai đoạn 2001 - 2005:**

Đây là giai đoạn quyết định của LILAMA trong vai trò Tổng thầu EPC. Tổng công ty lắp máy Việt Nam được giao là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300MW với vốn đầu tư gần 300 triệu USD. Sự kiện này đã đưa LILAMA từ vai trò làm thầu phụ thực hiện phần việc "C", nay trở thành nhà thầu chính. LILAMA đảm nhận toàn bộ cả phần "E" và "P", tức cả tư vấn thiết kế và cung cấp vật tư, thiết bị đối với công trình; dự án nhiệt điện Cà Mau 1 công suất 750MW với giá trị 360 triệu USD.

Năm 2005, LILAMA kỷ niệm 45 năm thành lập với dấu ấn đặc biệt quan trọng. Tại dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia - công trình được thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu được xây dựng tại Việt Nam, LILAMA đã tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của mình để đảm nhận khối lượng công việc trên 40% toàn bộ dự án, bàn giao công trình đúng tiến độ và đạt chất lượng cao, phục vụ hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2005.

Những đóng góp của LILAMA cho sự nghiệp phát triển đất nước được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Tổng công ty lắp máy Việt Nam được Nhà nước trao tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới. Sự kiện này khẳng định sự thành công của LILAMA trong quá trình đổi mới và phát triển, tạo ra các tiền đề cơ bản về cơ sở vật chất, năng lực quản lý để thực hiện thành công nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của mình.

❖ **Giai đoạn 2006 - 2010:**

Năm 2006, LILAMA tiếp tục được chọn là nhà Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Cà Mau 2 công suất 750 MW với giá trị 330,3 triệu USD, tiếp đến là dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 1 công suất 450 MW giá trị gần 305 triệu USD. Chỉ trong thời gian 11 tháng, LILAMA ký 03 Hợp đồng EPC nhà máy điện với tổng công suất 1.950MW, tổng giá trị gần 1 tỷ USD (gồm cả nhà máy điện Cà Mau 1).

Quý I/2009, nhà máy Lọc dầu Dung Quất được bàn giao cho Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, những sản phẩm xăng dầu đầu tiên của Việt Nam được bắt nguồn từ đây. Tiếp đến là việc bàn giao đúng tiến độ nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 tháng 4/2009, nhà máy xi măng Sông Thao tháng 11/2009. Các nhà máy thủy điện Sông Vàng, Sông Ông cũng đã hòa lưới điện quốc gia...

Ngày 9/4/2009, LILAMA tiếp tục ký 02 hợp đồng EPC dự án nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW và dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 2 công suất 750MW với tổng giá trị hợp đồng gần 1,7 tỷ USD.

❖ **Giai đoạn 2010 - nay:**

Năm 2010, LILAMA chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 93/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà và đến năm 2012, Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã chuyển quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại LILAMA về Bộ Xây dựng theo Quyết định số 913/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

LILAMA đã thực hiện thành công, bàn giao đưa vào sử dụng ổn định dự án nhiệt điện đốt than Vũng Áng 1 có công suất lớn nhất tại Việt Nam; hoàn thành bàn giao dự án thủy điện Hòa Na; đang là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Sông Hậu 1.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành LILAMA đã thực hiện và bàn giao hàng ngàn dự án lớn nhỏ, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. LILAMA được đánh giá là Tổng thầu EPC hàng đầu Việt Nam, là một trong những nhà thầu xây lắp đứng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam. Năm 2016, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty lắp máy Việt Nam và chuyển thành Công ty cổ phần. Đến ngày 16/08/2017, cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán cho công ty chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: LLM. Đây được đánh giá là một bước thay đổi quan trọng, hứa hẹn mở ra một giai đoạn phát triển thành công mới của Tổng Công ty.

2. Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh

**Tổng thầu EPC,
nhà thầu xây lắp**

- Nhà thầu EPC số 1 tại Việt Nam, thực hiện các dự án lớn với vai trò là tổng thầu EPC.
- Nhà thầu lắp máy uy tín nhất Việt Nam với các dự án lắp máy tiêu biểu như: Tua bin, máy phát của các nhà máy nhiệt điện công suất 100 -> 600 MW, nhà máy thủy điện 240MW...



Cơ khí chế tạo

- Chế tạo đến 75% các thiết bị cho các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, đóng tàu, dầu khí mà LILAMA là tổng thầu.
- Năng lực chế tạo cơ khí dẫn đầu trên thị trường hiện nay.

Lĩnh vực khác

- Hoạt động tư vấn, thiết kế, quản lý dự án: nâng cao năng lực cạnh tranh cho LILAMA.
- Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh khác.



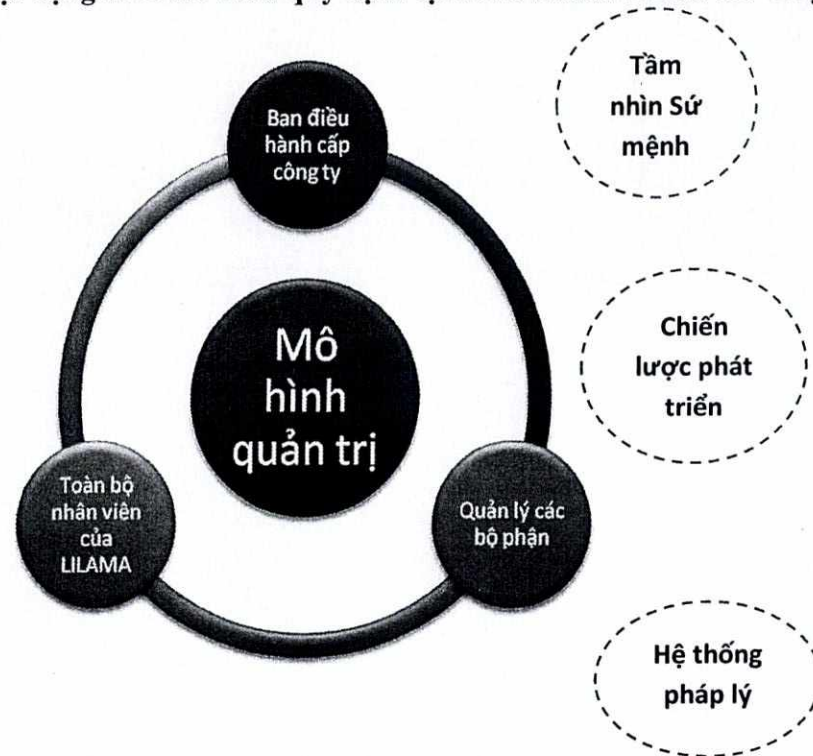
Trụ sở chính: 124 Minh Khai,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà
Nội

VPĐD: 9/12 Hồ Tùng Mậu,
Quận 1, thành phố Hồ Chí
Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Tổng công ty

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại tiết a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

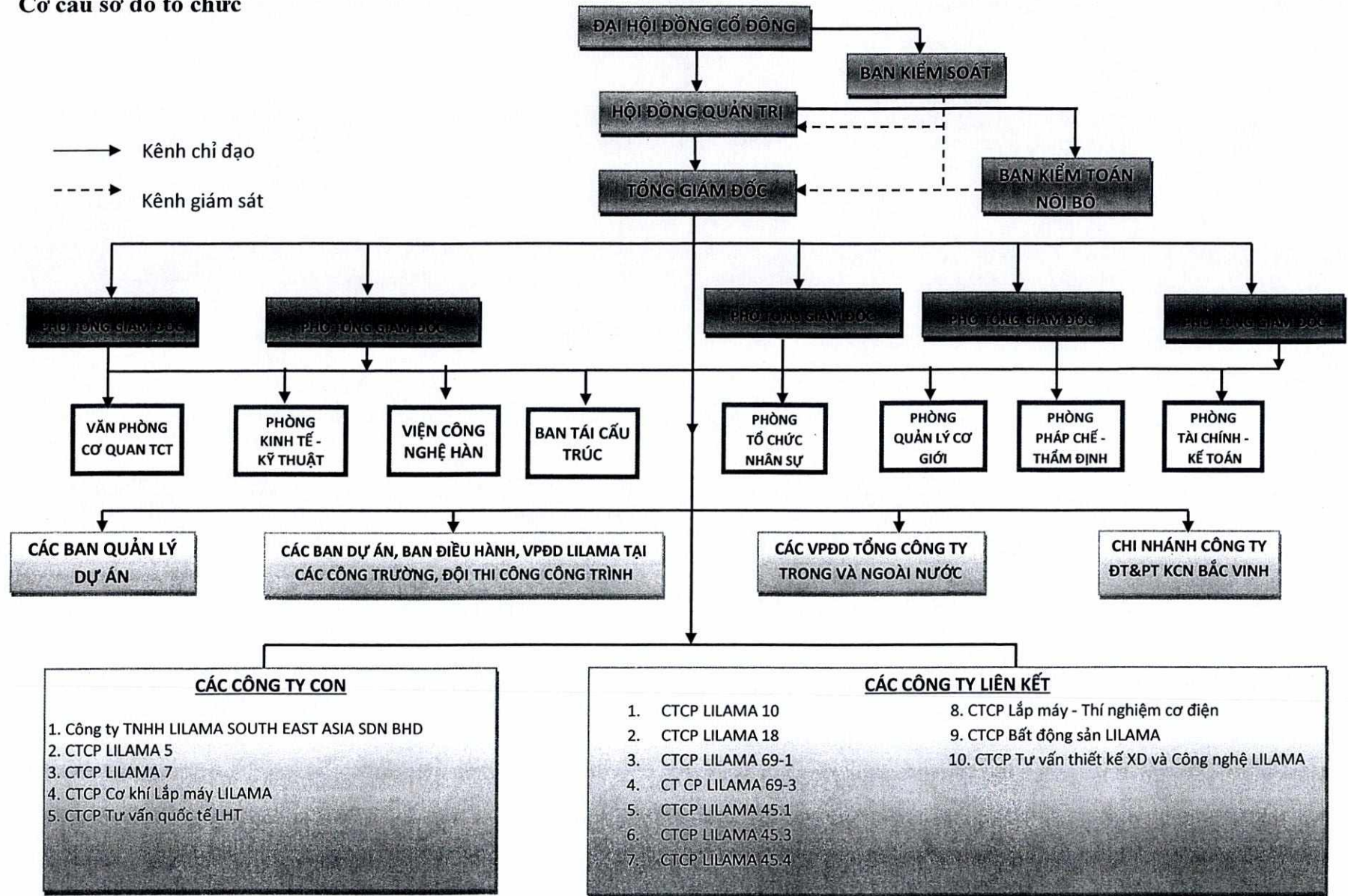


LILAMA sử dụng mô hình quản trị 3 cấp:

- Cấp Công ty: Bao gồm Ban điều hành Tổng công ty (Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc), Ban quản lý các công ty con.
- Cấp bộ phận: Bao gồm các trưởng, phó phòng của các phòng chức năng Tổng công ty; người đại diện vốn của Lilama tại các công ty liên kết.
- Cấp chức năng: Bao gồm toàn bộ cán bộ công nhân viên của LILAMA, là người trực tiếp thực hiện các chính sách, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty vẫn luôn chú trọng đến những yếu tố nội tại - ngoại cảnh tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên toàn bộ hoạt động của Tổng công ty, bao gồm: các rủi ro phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động (như rủi ro về hoạt động kinh doanh, rủi ro về nhân lực...); những chiến lược phát triển phải phù hợp với tiềm năng của thị trường, tầm nhìn - sứ mệnh phát triển của Tổng công ty; quan trọng nhất là đảm bảo việc tuân thủ những quy tắc, quy định của hệ thống pháp lý nơi diễn ra những hoạt động kinh doanh của LILAMA trong và ngoài nước.

Cơ cấu sơ đồ tổ chức



Các công ty con của LILAMA

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1.	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	64.986	99.00	Xây lắp, gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí	Liang, Brunei
2.	CTCP LILAMA 5	51.497	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	179 đường Trần Phú, Ba Đình, thị xã Bim Son, Thanh Hóa
3.	CTCP LILAMA 7	50.000	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Số 332, đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng
4.	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	32.651	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	72E đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5.	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	9.600	60,00	Tư vấn thiết kế	Tầng 3, Tòa nhà 21 tầng Lilama, 124 Minh Khai, Hà Nội

Các công ty liên kết

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1.	CTCP LILAMA 10	98.900	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Tòa nhà Lilama 10, phố Tổ Hữu, P. Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

2.	CTCP LILAMA 18	93.887	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lầu 9/19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3.	CTCP LILAMA 69-1	75.762	41,10	Cơ khí chế tạo, xây lắp	17 Lý Thái Tổ, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
4.	CTCP LILAMA 69-3	82.794	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	515 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, Tp. Hải Dương
5.	CTCP LILAMA 45.1	48.000	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 11, Đường 319 B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
6.	CTCP LILAMA 45.3	35.000	40,83	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Tp. Quảng Ngãi
7.	CTCP LILAMA 45.4	40.000	35,06	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Xa Lộ Hà Nội, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, P. Bình Đa, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai
8.	CTCP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	15.000	36,18	Tư vấn thiết kế	434-436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
9.	CTCP Bất động sản LILAMA	104.713	27,93	Thương mại, dịch vụ BĐS, XNK, SX công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tầng 2, Tòa nhà 21 tầng Lilama, số 124, phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10.	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	4.400	45,45	Tư vấn thiết kế	Tầng 1, Tòa nhà E3A, tòa nhà 12 tầng, khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ *Mục tiêu tổng quát*

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn Tổng công ty, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nhà chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia.
- Xây dựng Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP và các đơn vị thành viên trở thành các doanh nghiệp mạnh, có tiềm lực tài chính, có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại, phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính đã lựa chọn, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

❖ *Mục tiêu cụ thể*

- Mục tiêu về ngành nghề kinh doanh: Tập trung vào 2 ngành kinh doanh chính mà LILAMA có tiềm năng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh cao là (1) Ngành EPC, xây lắp và (2) Ngành Cơ khí chế tạo.
- Mục tiêu về tài chính:
 - o Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, xây dựng LILAMA có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, bền vững, hướng tới tăng trưởng;
 - o Tăng quy mô vốn điều lệ để tăng nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
 - o Tái cấu trúc nợ nhằm giảm hệ số nợ ở mức hợp lý, an toàn, giảm chi phí tài chính bằng việc tăng vốn điều lệ, đẩy nhanh vòng quay vốn, thay thế các khoản vay có thời gian vay ngắn, lãi suất cao bằng các khoản vay thời gian dài, lãi suất hợp lý và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;
 - o Tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, tập trung vốn đầu tư nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất kinh doanh chính.
- Mục tiêu về tổ chức, nguồn nhân lực:
 - o Hoàn thiện việc xây dựng cơ cấu tổ chức mới, tinh gọn và hoàn thành thoái vốn tại các đơn vị không thuộc ngành kinh doanh chính/hoạt động không hiệu quả.

- Đảm bảo nhân lực đáp ứng kế hoạch phát triển trong các ngành kinh doanh chính căn cứ theo doanh thu. Nâng cao tỷ lệ sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ.
 - Tinh giản bộ máy để phù hợp với mô hình hoạt động và tăng năng suất lao động.
 - Từng bước nâng cao hiệu quả của người lao động và thu nhập bình quân đầu người lên mức cao hơn.
- Mục tiêu về quản trị:
- Tổng công ty tiếp tục đóng vai trò là nhà hoạch định, kiểm soát chiến lược; tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh; điều phối chung các hoạt động tại các doanh nghiệp mà LILAMA góp vốn; thoái vốn triệt để tại các đơn vị không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc đơn vị hoạt động kém hiệu quả, không phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.
 - LILAMA sẽ xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế, ban hành và áp dụng bộ qui tắc quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự công bằng, tính minh bạch, tính trách nhiệm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để LILAMA trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế, đầy đủ khả năng và sức mạnh để đảm trách vai trò tổng thầu EPC các dự án công nghiệp lớn trong nước, tiếp tục khẳng định thương hiệu LILAMA để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.
- Khẳng định vị trí đứng đầu Việt Nam về ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

Các mục tiêu phát triển bền vững

LILAMA kiên định mục tiêu phát triển bền vững của mình là trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế; tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Tổng công ty; Đóng góp, xây dựng phát triển thị trường lắp máy Việt Nam trở thành một trong những mũi nhọn phát triển của đất nước, có tầm ảnh hưởng đến thị trường quốc tế; Đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Mô hình phát triển bền vững của Tổng công ty:

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Chi đạo chung về chiến lược - Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động
Ban Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT - Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt
Các Phòng/Ban nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các kế hoạch hành động theo chi đạo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
Cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày có liên quan đến các mục tiêu phát triển của Tổng công ty và của Phòng, Ban nghiệp vụ.

Mô hình phát triển bền vững của LILAMA có nhiệm vụ gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển bền vững của Tổng công ty; nhờ đó mà mô hình này có ảnh hưởng tích cực đến những người liên quan cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Là một nhà thầu uy tín, LILAMA nhận thức rõ và có ý thức trách nhiệm cao trong công tác gìn giữ và bảo vệ môi trường. Trong tất cả những công trình mà LILAMA là nhà thầu chính hoặc chủ đầu tư, Tổng công ty đều cố gắng giảm đến mức tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, không để xảy ra khiếu nại/khiếu kiện về vấn đề an toàn môi trường; những phản ánh, đánh giá không tốt của đối tác về tiêu chuẩn chất lượng xây dựng và bảo vệ môi trường tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế. Tổng công ty đã cố gắng đầu tư mua sắm các trang thiết bị thi công hiện đại để đảm bảo mức hao phí nhiên liệu và khí thải được giảm thiểu tối đa.

Tổng công ty cam kết bảo vệ và gìn giữ môi trường, tăng cường sức khỏe, an toàn và an ninh cho nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, cộng đồng nơi LILAMA hoạt động và công chúng nói chung. Trong các hoạt động của mình, Tổng công ty luôn cố gắng để đảm bảo: ***“Không có tai nạn, không có thiệt hại đối với môi trường tự nhiên và xã hội, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của cộng đồng ở những nơi có các hoạt động của LILAMA”***.

5. Các rủi ro

Rủi ro về nền kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh

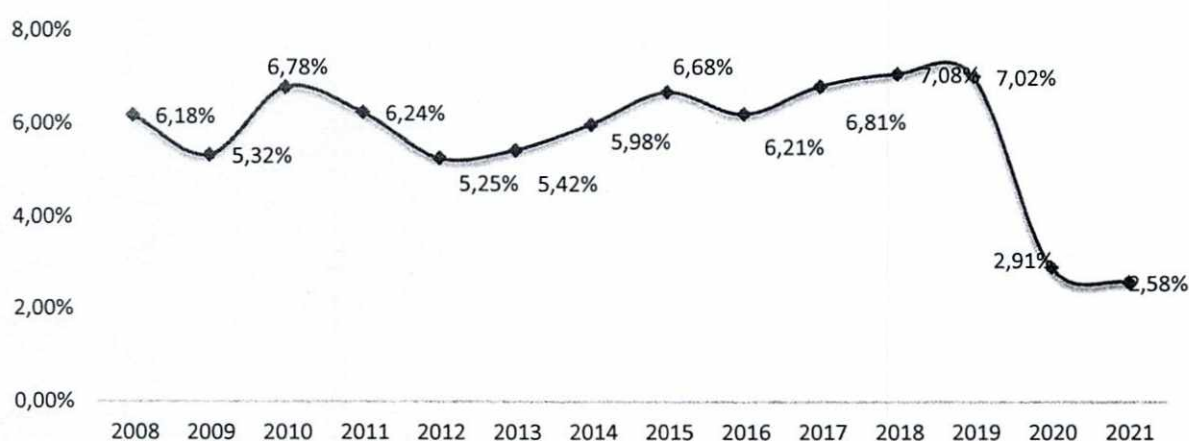
nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau giai đoạn chững lại từ năm 2010 – 2014, nền kinh tế Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng vững mạnh trong những năm gần đây. Giai đoạn năm 2018 – 2019, tăng trưởng của Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đều đạt trên 7%, đây là một tín hiệu rất khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục tăng trưởng sôi động.

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam thấp nhất từ năm 2008 với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%, đầu tư nước ngoài (FDI) chững lại. Tuy nhiên, so với các quốc gia trên thế giới, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng và đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia, Thái Lan, Philippin).

Sang năm 2021, trong sáu tháng đầu năm nền kinh tế có sự khởi sắc khi đại dịch cơ bản được kiểm soát. Tuy nhiên từ cuối quý II/2021 đặc biệt là quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 tăng 2,58% mức tăng thấp nhất từ 2008. Tuy đất nước gặp vô vàn khó khăn, thách thức do dịch covid-19 trong năm qua nhưng với sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế sau khi các địa phương trên cả nước thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ cùng với những điểm sáng trong năm 2021 sẽ là động lực tăng trưởng, tạo đà phát triển kinh tế đất nước trong năm 2022.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2008-2021



Nguồn: Tổng cục thống kê.

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Giai đoạn 2011-2017 đánh dấu thời kỳ giữ lạm phát ổn định ở mức thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam.

Từ năm 2017 đến năm 2021 chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2021



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Tổng công ty sau khi cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% áp dụng ở mọi số lĩnh vực ... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Tổng Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với

việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Tổng Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Rủi ro đặc thù

- *Rủi ro hoạt động:*

Do lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty là thi công xây lắp, đặc thù kinh doanh là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

- *Rủi ro cạnh tranh:*

Tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thi công xây lắp trong ngành xây dựng ngày càng khốc liệt. Đặc biệt trong tương quan với tỷ lệ đầu tư công giảm thấp so với giai đoạn trước, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh, đấu thầu để có được hợp đồng xây lắp. Do vậy doanh nghiệp xây lắp phải luôn tìm cách nâng cao năng lực công nghệ và kỹ thuật để tăng tính cạnh tranh giảm thiểu rủi ro có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng, số lượng hợp đồng, cũng như doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng.

- *Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, thiết bị đầu vào:*

Các dự án mà LILAMA thực hiện thường có tiến độ dài, giá trị vật tư, thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị hợp đồng. Do vậy, biến động giá cả hàng hóa (vật tư, thiết bị) đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của LILAMA.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, ngoài việc duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, LILAMA còn chủ động kiểm soát chi phí bằng cách tính đến yếu tố biến động giá, trượt giá ngay từ các khâu chuẩn bị hồ sơ dự thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng.

- *Rủi ro về chi phí vốn vay:*

Tổng công ty có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn tương đối thấp, do đó chi phí lãi vay trở thành yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính.

Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Do đó, những dự kiến trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư có thể chịu tác động xấu từ rủi ro chi phí vốn vay.

Rủi ro môi trường

Những rủi ro về môi trường do thiên nhiên gây ra là các nguyên nhân khách quan như thiên tai, lũ lụt, động đất, v.v là những nguyên nhân bất khả kháng. Do đó, Tổng công ty phải có những chủ trương, cách thức phòng tránh và khắc phục về hậu quả do thiên tai, môi trường gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ hệ thống.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		
	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2020	Năm 2021	
		Giá trị	Tăng trưởng (%)		Giá trị	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	6.829.335	6.491.021	-4,95%	7.748.585	7.393.135	-4,59%
Vốn chủ sở hữu	905.613	890.180	-1,70%	1.102.131	1.051.173	-4,62%
Doanh thu thuần	4.785.171	3.388.116	-29,20%	6.060.290	3.826.142	-36,87%
Giá vốn hàng bán	4.611.245	3.247.576	-29,57%	5.785.106	3.634.336	-37,18%
Lợi nhuận gộp	173.925	140.540	-19,20%	275.185	191.806	-30,30%
Doanh thu tài chính	75.724	47.191	-37,68%	96.992	59.645	-38,51%
Chi phí tài chính	146.153	110.101	-24,67%	196.633	150.621	-23,40%
Lãi từ công ty LK	-	-	-	7.805	(997)	-112,77%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.487	66.249	-12,24%	144.437	106.438	-26,31%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	28.009	11.380	-59,37%	38.911	(6.605)	- 116,98%
Lợi nhuận khác	4.634	12.762	175,38%	3.973	14.721	270,57%
Lợi nhuận trước thuế	32.643	24.142	-26,04%	42.884	8.116	-81,07%
Lợi nhuận sau thuế	21.966	11.040	-49,74%	21.228	(19.407)	- 191,42%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của LILAMA

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Bùi Đức Kiên	19/12/1971	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
5	Trần Vũ Vương	28/12/1971	Thành viên HĐQT

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Đức Kiên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Ông Lê Văn Tuấn – Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Ông Nguyễn Văn Hùng – Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy

Ông Nguyễn Hữu Thành – Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông Trần Vũ Vương – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

2.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Lê Thị Thu Hồng	13/10/1976	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Trần Thương Huyền	20/07/1975	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin tóm tắt về thành viên Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1981 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Bà Lê Thị Thu Hồng – Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1976 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Bà Trần Thương Huyền – Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1975 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.3 Ban Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Trần Đình Đại	13/10/1961	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
4	Lê Quốc Ân	29/7/1970	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
7	Tô Phi Sơn	26/07/1984	Kế toán trưởng

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Ban Tổng giám đốc:

Ông LÊ VĂN TUẤN – Tổng giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông TRẦN ĐÌNH ĐẠI - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Ông NGUYỄN VĂN HÙNG - Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông LÊ QUỐC AN - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật nhiệt và máy lạnh

Ông NGUYỄN MẠNH DŨNG - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông Tô Phi Sơn – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.4 Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Trần Vũ Vương được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 29/06/2021.

2.5. Cán bộ công nhân viên Tổng công ty:

Cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/03/2022

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	783	100,0%
1	Đại học và trên đại học	419	53,5%
2	Cao đẳng, trung cấp	40	5,1%
3	Công nhân kỹ thuật	118	15,1%
4	Lao động phổ thông	206	26,3%

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	783	100,0%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	9	1,1%
2	Lao động không xác định thời hạn	422	53,9%
3	Lao động hợp đồng có thời hạn	335	42,8%
4	Lao động khác	17	2,2%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác

Trong năm 2021, căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế, LILAMA không thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và máy móc thiết bị.

b) Đầu tư tài chính

➤ Đầu tư thêm vào Công ty con, công ty liên kết

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2021 là 617,1 tỷ đồng, trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 96,9 tỷ đồng, 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Trong năm 2021, thực hiện chủ trương của Đề án tái cấu trúc, LILAMA không đầu tư thêm ra ngoài doanh nghiệp mà chỉ tập trung vào công tác thoái vốn, đặc biệt là các khoản đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính. Tuy nhiên, do những tác động tiêu cực của đại dịch Covid 19, cùng những khó khăn vốn có của thị trường, cơ chế chính sách của nhà nước nên công tác thoái vốn của Tổng công ty trong năm 2021 gặp không ít khó khăn và không đạt được như kỳ vọng.

Đối với khoản vốn đầu tư của LILAMA tại LILAMA SEA: Để thực hiện hợp đồng gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị kết cấu thép dự án nhà máy phân đạm A/U tại Vương quốc Brunei với Tổng thầu Thyssenkrupp Industrial Solution AG (tkIS) - Đức, theo yêu cầu của nước sở tại LILAMA phải thành lập doanh nghiệp tại Brunei. Theo đó, LILAMA đã thành lập LILAMA SEA với tỷ lệ sở hữu 99% vốn điều lệ. Hiện tại dự án đã hoàn thành công tác thi công xây lắp, đang ở giai đoạn chạy thử cuối cùng trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Tùy vào tình hình việc làm tại Brunei và trong khu vực, LILAMA sẽ lựa chọn việc tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

➤ Tình hình thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2021 là 617,1 tỷ

đồng, trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 96,9 tỷ đồng, 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Trong năm 2021, thực hiện chủ trương của Đề án tái cấu trúc, LILAMA không đầu tư thêm ra ngoài doanh nghiệp mà chỉ tập trung cho công tác thoái vốn, đặc biệt là các khoản đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính. Tuy nhiên, do những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, cùng những khó khăn vốn có của thị trường, cơ chế chính sách của nhà nước nên công tác thoái vốn của Tổng công ty trong năm 2021 gặp không ít khó khăn và không đạt được như kỳ vọng.

➤ Tình hình thu cổ tức, chi trả cổ tức

- ✓ *Tình hình thu cổ tức:* Trong năm 2021, có 03 Công ty có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức cho kết quả SXKD năm 2020 với tổng số tiền 6,1 tỷ đồng. Tổng số tiền các Công ty đã chi trả cổ tức cho Tổng công ty bằng tiền là 5,9 tỷ đồng.
- ✓ *Tình hình chi trả cổ tức của Tổng công ty:* Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền cổ tức năm 2020 theo đúng quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 2%/năm;
- Hình thức chi trả : Bằng tiền;
- Ngày đăng ký cuối cùng : 27/10/2021;
- Thời gian thanh toán : 29/11/2021.

c) Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát với những tác động tiêu cực, sâu rộng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam, khiến cho mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Tổng công ty đã tập trung nguồn nhân lực, thiết bị thi công, nguồn tài chính để thực hiện các Dự án: Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2, Nhiệt điện Vân Phong 1, Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2... đảm bảo bám sát tiến độ thực tế và kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng được các yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổng thầu/Nhà thầu chính.

- Một số mốc tiến độ quan trọng tại các dự án trọng điểm thực hiện năm 2021:
 - Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1: Đến 31/12/2021, hoàn thành đạt 95% giá trị hợp đồng EPC. Ngày 27/11/2021 hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào vận hành thương mại tổ máy số 1; tổ máy số 2 đang được chạy thử và tiến hành các thử nghiệm cần thiết để bàn giao đưa vào vận hành thương mại trong quý II/2022.
 - Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2: Toàn bộ các hạng mục công trình thuộc phạm vi của LILAMA đã cơ bản hoàn thiện (đạt ~98%), cơ bản hoàn thành đóng các tồn tại cho lò hơi, tuabin và các

hệ thống phụ trợ khác tổ máy số 1 để chuẩn bị cho công tác chạy thử. Hiện tại còn một số hạng mục như: Hoàn thiện lắp đặt phần thiết bị Cơ khí còn lại của các hạng mục FGD, H2, CO2 & N2; Điện C&I; Hoàn thiện nốt khối lượng Bảo ôn các hệ thống ống còn lại của lò hơi và tuabin; Hoàn thiện khối lượng Lining còn lại cho thiết bị bồn bể khu vực nhà tách nước thạch cao.

- Dự án Nhiệt điện Long Phú 1: Tiến độ lắp đặt của dự án đã bị trượt xa so với tiến độ trong hợp đồng ký với Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC). Kể từ đầu năm 2019 đến nay, tổng tiến độ của Dự án hầu như không thay đổi do đang bị tạm dừng vì nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thành viên Tổng thầu Power Machines (PM) tạm dừng vô thời hạn toàn bộ công việc thiết kế, cung cấp thiết bị của dự án. Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng với nhà thầu Power Machines để giao thầu cho đơn vị khác tiếp tục thực hiện. Tháng 10/2021 Lilama đã ký hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện việc “Tư vấn khảo sát, đánh giá hiện trạng và xác định chi phí để tái triển khai và hoàn thành dự án” để chuẩn bị cho công tác khởi động lại dự án.
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2: LILAMA đã bắt đầu triển khai vào tháng 2 năm 2019. Hiện tại tất cả các hạng mục thuộc phạm vi hợp đồng đã ký giữ LILAMA và DOOSAN đã được thi công hoàn thành 100% công việc và đang tiến hành công tác quyết toán vật tư cũng như khối lượng thi công.
- Dự án Hóa dầu Long Sơn: Đã hoàn thành 59% giá trị hợp đồng.
- Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2: Công tác thi công đã cơ bản hoàn thành, hiện tại đã hoàn thành hồ sơ quyết toán để đạt mốc thanh toán 90% giá trị hợp đồng.
- Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1: Dự án bắt đầu triển khai ngày 26/6/2020, về tổng thể LILAMA đã đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Tổng Thầu. Hiện đang chế tạo, thi công lắp đặt kết cấu thép pipe rack, bồn bể, ống BOP, đường ống làm mát, ống kết nối (yard piping), nhà tuabin, nhà hệ thống khử muối, nhà bơm thổi Oxy (hệ thống FGD) và một số hạng mục phụ trợ của nhà máy.... Giá trị thực hiện đến 31/12/2021 đạt 21% giá trị hợp đồng.
- Một số dự án khác đang triển khai thi công: Ngoài các công trình dự án lớn đã nêu ở trên, LILAMA đã và đang triển khai thi công lắp đặt một số dự án khác như: Tưới tiêu khu vực Tây Vàm cỏ đông; Trạm biến áp 220KV Yên Thủy, Trạm biến áp 220KV Vũng Áng, Trung tâm Hội nghị Vĩnh Long, Bệnh viện U bướu Kiên Giang, Trạm bơm Kim Xá Vĩnh Phúc ... Các dự án này đã được LILAMA giao cho các nhà thầu và đơn vị thành viên triển khai thực hiện đáp ứng theo tiến độ Hợp đồng. Công tác giải ngân thanh toán cũng đang tuân thủ theo đúng quy định tại Hợp đồng.

3.2. Tình hình tài chính Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu		Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
I	Các công ty con	942.455	107.056	208.736	562.609	(22.323)	(35.920)
1	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	205.721	111.072	64.986	388.496	48.999	35.402
2	CTCP LILAMA 5	363.463	(63.195)	51.498	57.236	(47.705)	(47.705)
3	CTCP LILAMA 7	155.979	22.475	50.000	33.268	(15.479)	(15.479)
4	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	208.339	29.267	32.652	82.770	(6.626)	(6.626)
5	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	8.953	7.437	9.600	839	(1.512)	(1.512)
II	Các công ty liên kết	5.575.946	892.083	598.456	4.131.748	33.668	15.519
1	CTCP LILAMA 10	1.262.122	251.082	98.900	1.071.872	19.822	14.657
2	CTCP LILAMA 18	1.342.269	295.328	93.887	1.426.628	20.937	14.206
3	CTCP LILAMA 69-1	815.411	147.585	75.762	664.731	3.053	372
4	CTCP LILAMA 69-3	815.604	107.594	82.794	771.088	2.856	252
5	CTCP LILAMA 45-1	558.383	40.740	48.000	52.329	14	11
6	CTCP LILAMA 45-3	413.249	39.630	35.000	38.045	(8.527)	(8.527)
7	CTCP LILAMA 45-4	116.041	(131.456)	40.000	-	(7.265)	(7.265)
8	CTCP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	141.089	31.579	15.000	107.055	2.680	1.778
9	CTCP Bất động sản LILAMA	109.595	107.905	104.713	-	113	50
10	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	2.183	2.096	4.400	-	(15)	(15)

Chỉ tiêu		Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
III	Đầu tư dài hạn khác	10.947.594	5.673.679	8.390.020	4.188.272	76.842	60.283
1	CTCP Phú Mỹ Trung Việt	952.849	106.600	100.000	2.391	(88)	(88)
2	CTCP Chế tạo giàn khoan dầu khí	758.930	(292.387)	594.898	369.654	(48.874)	(48.874)
3	CTCP Xi măng Thăng Long	3.115.253	2.156.055	4.210.000	1.877.821	(79.743)	(79.910)
4	CTCP Thủy điện Hòa Na	3.885.404	2.781.964	2.352.322	691.109	138.575	131.373
5	CTCP Xi măng Sông Thao	991.266	313.495	639.400	1.013.146	32.970	30.197
6	CTCP Cơ -Điện - Môi trường	109.748	86.991	39.000	70.948	14.470	12.810
7	CTCP Đầu tư xây dựng LILAMA	1.134.144	520.961	454.400	163.204	19.682	14.607
Tổng cộng		17.465.995	6.672.818	9.197.212	8.882.629	88.187	39.882

4. Tình hình tài chính Công ty mẹ

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	6.829.335.009.507	6.491.021.087.356	-4,95%
Nợ phải trả	5.923.721.637.857	5.600.840.749.364	-5,45%
Vốn chủ sở hữu	905.613.371.650	890.180.337.992	-1,70%
Doanh thu thuần	4.785.170.526.221	3.388.116.153.378	-29,20%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng (%)
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	28.009.196.943	11.380.089.071	-59,37%
Lợi nhuận khác	4.634.202.199	12.761.624.657	175,38%
Lợi nhuận trước thuế	32.643.399.142	24.141.713.728	-26,04%
Lợi nhuận sau thuế	21.965.891.063	11.040.067.142	-49,74%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2021 của LILAMA

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,95	0,91
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	86,74	86,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	654,11	629,18
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	9,22	6,13
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,69	0,51
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,46	0,33
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,40	1,23
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,32	0,17
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,59	0,34

Nguồn: Tính toán căn cứ trên số liệu BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2020, 2021 của LILAMA

5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của LILAMA tại ngày 27/10/2021

STT	Đối tượng	Số cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	317	79.726.104	797.261.040.000	100,0%
	Cổ đông nhà nước	1	78.032.404	780.324.040.000	97,9%
	Tổ chức	2	190.100	1.901.000.000	0,2%
	Cá nhân	314	1.503.600	15.036.000.000	1,9%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
	Tổ chức	0	0	0	0%
	Cá nhân	0	0	0	0%
3	Tổng cộng	317	79.726.104	797.261.040.000	100,0%

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD lập ngày 27/10/2021

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty (79.726.104 cổ phần) hoàn toàn là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 79.705.304 cổ phần, chiếm 99,97% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (theo cam kết năm làm việc khi thực hiện cổ phần hóa đối với cán bộ CNV Tổng công ty): 20.800 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu hành

Từ thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần năm 2016 cho đến nay, LILAMA chưa thực hiện tăng vốn, phát hành hay chào bán cổ phiếu nào ra công chúng để tăng vốn điều lệ. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Tổng công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, nhu cầu về máy móc thiết bị phục vụ việc thực hiện các hợp đồng EPC, hợp đồng xây lắp của Tổng công ty tương đối lớn với các yêu cầu về chủng loại, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ, ... đa dạng, phức tạp, đặc biệt là máy móc thiết bị cung cấp cho các dự án nhiệt điện đốt than. Các thiết bị như Tuabin, lò hơi, máy phát, ... cung cấp cho các dự án EPC luôn chiếm

tỷ trọng lớn nhất trong chi phí máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các loại nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công như: sắt thép các loại, que hàn, sơn, cáp điện, các loại khí công nghiệp, ... là thường xuyên và phổ biến đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA.

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình của mình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng công ty không chỉ tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án, mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Bằng cơ chế quản lý tốt việc nhập máy móc, nguyên nhiên vật liệu từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, LILAMA tin tưởng sẽ đóng góp phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện tại Tổng công ty hoàn toàn tuân thủ các tiêu chuẩn và pháp luật về bảo vệ môi trường. LILAMA chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Với ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường, LILAMA luôn cam kết việc hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

➤ Chế độ làm việc

- LILAMA có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác. Tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực cống hiến cá nhân của nhân viên.
- Chế độ làm việc dựa trên cơ sở của Bộ luật lao động.
- Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế ...) được trang bị đầy đủ theo nhu cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.
- Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm ...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá số giờ quy định so với luật hiện hành.

➤ Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động

- LILAMA hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp, là đơn vị hàng đầu về tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, cơ khí lắp máy, tư vấn thiết kế ... do vậy LILAMA luôn chú trọng tuyển dụng những kỹ sư có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng công ty từ các trường Đại học kỹ thuật như: Bách Khoa Hà Nội, Xây dựng, Công nghiệp Thái Nguyên, Bách Khoa Đà Nẵng và những trường đại học danh tiếng khác trong và ngoài nước.

- Công tác tuyển dụng của LILAMA được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí, tại các trường đại học và qua website của Tổng Công ty.
- Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý thi công lắp đặt, quản lý chất lượng, giám sát chế tạo, quản lý vật tư, an toàn lao động, tiếng Anh, v.v..

➤ ***Thời gian làm việc và chính sách lương***

LILAMA tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng Công ty.

➤ ***Chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và an sinh xã hội***

- Nâng cao nhận thức cho các nhân viên ở tất cả các cấp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động của Tổng công ty.
- Xây dựng hệ thống và các quy trình tích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế được nêu trong các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.
- Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và xã hội. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với các tác động tiêu cực, và nếu không thể ngăn ngừa thì giảm thiểu, giảm nhẹ, và/hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng.
- Tuân thủ luật pháp quốc gia, các quy định và các yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

a) Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Đảng ủy, lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng đối tượng, công khai, công bằng, dân chủ, chính xác, kịp thời và phù hợp với quy định. Qua đó, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nhân viên, đảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Tổng công ty đã có các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện phong trào thi đua đến các cán bộ công nhân viên tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Tổng công ty đã ban hành công văn số 248/TCT-HĐTĐKT ngày 08/3/2021 hướng dẫn triển khai thực hiện

phong trào thi đua tại Tổng công ty và Kế hoạch số 98/CĐTCT-KH ngày 20/9/2021 về việc tổ chức phong trào thi đua “Công nhân, viên chức lao động ngành Xây dựng nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch COVID-19”;...

Hội đồng thi đua khen thưởng của LILAMA luôn hoạt động tích cực, tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng thường xuyên hoặc theo chuyên đề rộng khắp toàn Tổng công ty, đặc biệt tại các công trường dự án trọng điểm của LILAMA như dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2... Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát trên cơ sở đăng ký thi đua, kết quả thi đua của từng đơn vị nhằm phát hiện và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua để báo cáo Bộ Xây dựng biểu dương và nhân rộng điển hình tiên tiến.

b) Kết quả các phong trào thi đua

Công tác thi đua năm 2021 của LILAMA đã nhận được sự quan tâm đầy đủ của Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng công ty và Ban dự án. Các hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng, là nguồn cổ vũ động viên tích cực đến tinh thần người lao động, tạo dựng và giữ gìn được môi trường công việc ổn định, là động lực thúc đẩy để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu, chuyên tâm cho công việc, giúp LILAMA đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh thị trường công việc trong nước năm qua gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh.

c) Công tác khen thưởng

Công tác thẩm định hồ sơ, xét, đề nghị khen thưởng của LILAMA phù hợp với Luật thi đua khen thưởng và các quy định liên quan. Trong năm 2021, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã ghi nhận, tôn vinh và đề nghị khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác. Dự kiến số liệu như sau:

- Đối với tập thể: 04 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ xây dựng; 10 Tập thể lao động xuất sắc; 37 Giấy khen Tổng công ty; 25 tập thể lao động tiên tiến.
- Đối với cá nhân: 45 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; 25 Chiến sỹ thi đua Ngành Xây dựng; 837 Giấy khen Tổng công ty; 559 Chiến sỹ Thi đua cơ sở; 4.251 Lao động tiên tiến.

d) Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2022.

Hội đồng thi đua khen thưởng Cơ quan Tổng công ty tiếp tục tiến hành rà soát, chuẩn bị hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2021 đối với tập thể, cá nhân Tổng công ty đạt được những thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam với mục tiêu nâng cao năng suất, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH 2021
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Tổng Doanh thu	3.059,5	3.388,1	110,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	20,0	24,1	120,5%
4	Nộp ngân sách nhà nước	100,0	47,7	47,7%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	1%/năm	Dự kiến 1%/năm	100,0%
6	Đầu tư phát triển	80,0	-	
7	Quỹ lương NLD	128,98	120,34	93,3%

Trong năm 2021, sự bùng phát của đại dịch Covid 19 đặc biệt là trong 2 quý cuối năm đã gây nên những tác động tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam, khiến cho hoạt động SXKD của Tổng công ty phải đối mặt với vô vàn khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực cao độ, Tổng công ty vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, cụ thể:

Doanh thu đạt 3.388,1/3.059,5 tỷ đồng, tương đương 110,7% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 24,1/20 tỷ, tương đương 120,5% so với kế hoạch; Nộp ngân sách nhà nước đạt 47,7/100 tỷ đồng, tương đương 47,7% so với kế hoạch.

Mặc dù hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD, trong năm 2021, Tổng công ty đứng trước thách thức không nhỏ khi thị trường công việc lắp đặt, chế tạo không thuận lợi, cạnh tranh gay gắt; các dự án đầu tư công đình hoãn, giãn tiến độ; tỷ suất sinh lời dự án thấp. Mặt khác, với cơ cấu vốn chủ sở hữu thấp, nợ vay lớn, chi phí lãi vay cao; cùng với việc dòng tiền thực tế thu được từ các dự án (có doanh thu nhưng chưa có dòng tiền) chậm, còn nhiều nợ đọng, nợ khó đòi, thâm hụt dòng tiền và còn nhiều vướng mắc như: Dự án Sông Hậu 1, Dự án Thái Bình 2, Dự án Long Phú 1, ...khiến cho việc cân đối, thu xếp dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản - đầu tư xây dựng cơ bản

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, cùng với hệ thống thiết bị, máy móc thi công của Tổng công ty hiện tương đối ổn định, có khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các

dự án mà Tổng công ty đang thực hiện. Do đó, trong năm 2021, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, thiết bị.

2.2. Tình hình thu hồi công nợ

Đối với công tác thu hồi công nợ, Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn chỉ đạo sát sao việc đánh giá, phân loại các khoản nợ đọng và thu hồi công nợ để có nguồn vốn bổ sung vào hoạt động SXKD. Trong năm 2021, việc thu hồi công nợ của Tổng công ty rất hạn chế (thu được 38 tỷ đồng từ Dự án Xi măng Sông Thao và thủy điện Hòa Na) do các đơn vị đều đang gặp nhiều khó khăn về tài chính.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Về công tác tổ chức:

- Thành lập Đội thi công số 1 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, kể từ ngày 17/05/2021.
- Thành lập Ban chuẩn bị triển khai Dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, kể từ ngày 25/11/2021.

b. Về công tác cán bộ, nhân sự:

- Trong năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện điều động 32 lượt CBCNV cho các phòng ban, đơn vị và ban dự án của Tổng công ty. Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến 31/12/2021 là 627 người, trong đó số tuyển mới 189 người, số chấm dứt HĐLĐ 99 người, tạm hoãn hợp đồng lao động 14 người, số lao động nghỉ hưu 7 người.
- Thực hiện kiện toàn nhân sự lãnh đạo của một số phòng ban, đơn vị thuộc Tổng công ty; thực hiện công tác nhân sự, cán bộ quản lý tại các Công ty con, công ty liên kết.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ban lãnh đạo Tổng công ty quyết tâm, tập trung mọi nỗ lực, thực hiện mọi giải pháp để chỉ đạo, điều hành Tổng công ty đương đầu và vượt qua mọi khó khăn, thách thức phía trước, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022.

Năm 2022 được dự báo tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với Tổng công ty. Kế hoạch doanh thu năm 2022 của Công ty mẹ dự kiến thấp hơn so với thực hiện năm 2021 (bằng 86,9%), các dự án đang thực hiện theo hợp các hợp đồng đã ký những năm trước gần như đã hoàn thành, khối lượng công việc còn lại không nhiều. Trong khi đó, với bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, cộng thêm ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid 19, các dự án đầu tư đều chậm triển khai, dãn, hoãn tiến độ; một số dự án mới Tổng công ty tham gia chào giá đều đang trong quá trình đàm

phán, thương thảo hoặc chưa có kết quả đấu thầu. Với những khó khăn đó, Tổng công ty xây dựng kế hoạch năm 2022 hết sức thận trọng nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất.

Các dự án tiềm năng sẽ thực hiện trong giai đoạn tới (Ngoài dự án Dự án Nhà máy Điện tua-bin khí hỗn hợp Nhơn Trạch 3&4 đã được ký giữa Chủ đầu tư và Liên danh nhà thầu Samsung - C&T - LILAMA trong tháng 03/2022):

- Dự án Trạm cắt 220kV Bờ Y và các đường dây 220kV đấu nối từ cụm Nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam - Gói thầu số 11 (Đã trúng thầu, Giá trị của LILAMA khoảng gần 100 tỷ đồng trước thuế).
- Dự án Trạm cắt 220kV Đăk Ooc và các đường dây 220kV đấu nối từ nhà máy thủy điện Nam Emoun (Lào) vào Hệ thống điện Việt Nam - Gói thầu số 04 (Đã trúng thầu, Giá trị của LILAMA khoảng 127 tỷ đồng trước thuế).
- Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 (2 x 600MW).
- Dự án Nhà máy sản xuất hydrogen HyLIOS tại Á Rập Xê Út.
- Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa polypropylene Phú Mỹ.
- Dự án Nhà máy điện Sơn Mỹ 2.
- Trung tâm điện lực LNG Cà Ná.
- Trung tâm điện lực LNG Bạc Liêu.
- Nhà máy sản xuất chất dẻo phân hủy sinh học PBAT

Với viễn cảnh thị trường nhiều khó khăn được dự báo như vậy, Tổng công ty xây dựng kế hoạch năm 2022 một cách thận trọng, đảm bảo tính khả thi và hiện thực hóa cao nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ KH2022 /TH2021
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Tổng Doanh thu	3.388,1	2.942,7	86,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	24,1	29,0	120,3%
4	Nộp ngân sách nhà nước	47,7	40,0	83,8%
5	Tỷ lệ cổ tức	1%	1%	100%
6	Đầu tư XD/CB	0,0	22,5	
7	Quỹ lương NLĐ	120,3	153,5	127,6%

4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

- Sau khi được Bộ Xây dựng và ĐHCĐ thông qua, Tổng công ty sẽ triển khai thực hiện các nội dung tái cấu trúc theo Đề án Tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

- Hồ sơ quyết toán để bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cơ bản đã được Tổng công ty thực hiện đầy đủ, ngoại trừ vướng mắc lớn nhất còn tồn tại liên quan đến (i) phương án sắp xếp, xử lý nhà đất theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2017 của Chính Phủ với khu đất 8.157m² tại Lô E9-E6, đường Phạm Hùng, HN; (ii) ý kiến chính thức của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa của LILAMA tại 03 tầng văn phòng (3.477,01m²) và 50% diện tích tầng hầm (895,4m²) của tòa nhà hỗn hợp 21 tầng tại 124 Minh Khai, HBT, Hà Nội và (iii) ý kiến chính thức của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa của LILAMA đối với Lô đất tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan, ban ngành liên quan để giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc còn tồn tại nhằm sớm hoàn thành công tác quyết toán vốn Nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần.
- Đối với công tác tổ chức, lao động: Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giản nhân sự các phòng ban; tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động có trình độ phù hợp với thực tế công việc. Đồng thời, thực hiện sắp xếp lại các đơn vị thành viên theo các ngành nghề kinh doanh chính phù hợp với Đề án tái cấu trúc.

4.3. Công tác thị trường

Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các Dự án đã ký hợp đồng như: Dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, Dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, Dự án điện Nghi Sơn 2, Dự án khí Nam Côn Sơn 2, Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn, Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1, ...

Định hướng công tác thị trường: Tổng công ty vẫn đang tập trung công tác tiếp thị, bám sát chủ đầu tư và các đối tác để được tham gia thi công các dự án/gói thầu chuẩn bị thực hiện trong tương lai như: Dự án nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2, Nhà máy sản xuất hydrogen HyLIOS tại Ả Rập Xê Út, Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa polypropylene Phú Mỹ, Dự án Nhà máy điện Sơn Mỹ 2, Trung tâm điện lực LNG Bạc Liêu, Dung Quất 1,2,3...

Liên quan đến định hướng ngành nghề, trong thời gian tới Tổng công ty tiếp tục tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là EPC, xây lắp và Cơ khí chế tạo.

(1) Ngành EPC, xây lắp:

- Ưu tiên khai thác các dự án công nghiệp điện (nhà máy, trạm điện, đường dây...) vì đây là thị trường tiềm năng, tăng trưởng vững do đã được Chính phủ quy hoạch ổn định.
- Tham gia nhiều hơn vào các dự án công nghiệp dầu khí (nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy khí, đường ống khí...), đặc biệt là các dự án đã nằm trong quy hoạch.
- Tiếp tục tham gia các dự án công nghiệp khác (xi măng, thép, vật liệu xây dựng...)

(2) Ngành Cơ khí chế tạo:

- Cơ khí xuất khẩu: Tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; tăng cường hợp tác quốc tế, từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu qua việc cung cấp các bộ phận, chi tiết hoặc hàng hóa trung gian khác phục vụ công tác lắp ráp sản phẩm cuối cùng cho các tập đoàn, công ty trên thế giới.
- Chế tạo trong nước:
 - ✓ Bám sát Cơ chế thí điểm thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị các nhà máy nhiệt điện, tăng dần tỷ lệ nội địa hóa thiết bị trong các dự án công nghiệp mà LILAMA thực hiện.
 - ✓ Hợp lý hóa cơ cấu sản phẩm cơ khí theo hướng củng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm chế tạo trong lớp công nghệ thiết bị phụ trợ cao cấp hơn phục vụ cho các dự án EPC.
 - ✓ Thực hiện dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế cho các nhà máy công nghiệp.

4.4. Công tác quản lý tài chính

Trong năm 2022, một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Tổng công ty là phải đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thu hồi các khoản công nợ, nợ đọng để giảm thiểu hệ số nợ vay và chi phí tài chính phải gánh chịu, góp phần cải thiện tình hình tài chính cũng như bổ sung thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đồng thời, chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại các dự án thi công, nợ đọng từ những năm trước để tập trung nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh.

4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động

- Tiếp tục thi công, hoàn thiện các công trình đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả các dự án đã được ký kết hợp đồng.
- Thực hiện quản lý chặt chẽ, hiệu quả nhằm giảm chi phí phát sinh, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.

4.6. Công tác đầu tư

Thực hiện Đề án tái cấu trúc trong giai đoạn mới, từ năm 2022 Tổng công ty dự kiến đầu tư phương tiện máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công (giàn giáo, palăng, dụng cụ cầm tay, máy hàn, kho xưởng tạm ...) để tiến tới tự thực hiện thi công một số công trình dự án, với giá trị dự kiến đầu tư khoảng 20,0 tỷ đồng. Ngoài ra, Tổng công ty có kế hoạch đầu tư bổ sung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bắc Vinh với giá trị khoảng 2,5 tỷ đồng. Tổng giá trị kế hoạch đầu tư năm 2022 dự kiến là 22,5 tỷ đồng.

4.7. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, vấn đề con người luôn được lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2022, tiếp tục lập quy hoạch cán bộ, tìm người có trình độ phù hợp với từng vị trí công tác để từ đó đào tạo, bồi dưỡng thêm. Số lượng lao động hiện nay tạm thời đáp ứng được nhu cầu triển khai thực hiện các dự án. Tuy nhiên, cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao hơn trình độ chuyên môn nghiệp vụ

4.8. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty

- Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm của nhà nước hoàn thành với chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao, qua đó tiếp tục phát triển thương hiệu của LILAMA.
- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của LILAMA.
- Quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu LILAMA.

4.9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện thể hiện qua các giá trị như: môi trường làm việc, các tiêu chuẩn trong công việc, thái độ giao tiếp...
- Xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, kỷ luật công nghiệp và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp ở trên từng phương tiện thiết bị, từng công trường, nhà máy... và trước hết ở cơ quan điều hành.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh: Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, bạn hàng, Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng.
- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước.

4.10. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

Tiếp tục phát huy và triển khai các phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng như truyền thống từ trước đến nay của LILAMA.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

Tổng công ty luôn tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến trên thế giới để áp dụng tại Việt Nam, không chỉ phục vụ trong lĩnh vực ngành nghề chính để khẳng định thương

hiệu của mình, mà còn nhằm mục đích giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... Tổng công ty còn kêu gọi việc nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu LILAMA gắn với bảo vệ môi trường sống cho con người.

Tổng Công ty xây dựng Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2022 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Đảm bảo và nâng cao chất lượng các công trình xây dựng” trong phạm vi toàn LILAMA với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác.
- Hướng nội dung các phong trào thi đua yêu nước vào giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn, vướng mắc, những mặt còn tồn tại của LILAMA như tinh giản bộ máy, tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp toàn Tổng công ty, tái cấu trúc doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường và đấu thầu để có thêm nhiều dự án mới...
- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, động viên cán bộ công nhân viên lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước. Đặc biệt quan tâm triển khai tại những công trình dự án xa trung tâm, những người lao động trực tiếp có điều kiện sống và làm việc gặp nhiều khó khăn.
- Tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua liên kết, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Đôn đốc thực hiện các chỉ thị hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Bộ, ban ngành và Chính phủ.

Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống của CBCNV Tổng công ty: Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể thao, có nhiều hình thức động viên đối với con em CBCNV vào các dịp Tết trung thu, tết thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt...

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Đánh giá về Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Trong năm 2021, đại dịch Covid 19 với những biến chủng mới, lây lan nhanh hơn và nguy hiểm hơn, tiếp tục diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, tác động tiêu cực, kéo dài đến kinh tế thế giới, khu vực và nước ta; làm thay đổi sâu sắc hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, khiến cho mọi lĩnh vực hoạt động của LILAMA và các Công ty thành viên tiếp tục phải đối mặt với vô vàn thách thức và khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành Tổng công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt, thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được giao thích ứng với bối cảnh dịch bệnh - kinh tế - xã hội, đưa LILAMA vượt qua khó khăn để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, các chế độ chính sách cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 (chỉ tiêu chính) của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP so với các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH 2021
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Tổng Doanh thu	3.059,5	3.388,1	110,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	20,0	24,1	120,5%
4	Nộp ngân sách nhà nước	100,0	47,7	47,7%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	1%/năm	Dự kiến 1%/năm	100,0%
6	Đầu tư XDCB	80,0	0	
7	Quỹ lương NLĐ	128,98	120,34	93,3%

Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Đầu tư của Tổng công ty

Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác

Trong năm 2021, căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế, LILAMA không thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và máy móc thiết bị.

Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2021 là 617,1 tỷ đồng, trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 96,9 tỷ đồng, 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Trong năm 2021, thực hiện chủ trương của Đề án tái cấu trúc, LILAMA không đầu tư thêm ra ngoài doanh nghiệp mà chỉ tập trung vào công tác thoái vốn, đặc biệt là các khoản đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính. Tuy nhiên, do những tác động tiêu cực của đại dịch Covid 19, cùng những khó khăn vốn có của thị trường, cơ chế chính sách của nhà nước nên công tác thoái vốn của Tổng công ty trong năm 2021 gặp không ít khó khăn và không đạt được như kỳ vọng.

Đối với khoản vốn đầu tư của LILAMA tại LILAMA SEA: Để thực hiện hợp đồng gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị kết cấu thép dự án nhà máy phân đạm A/U tại Vương quốc Brunei với Tổng thầu Thyssenkrupp Industrial Solution AG (tkIS) - Đức, theo yêu cầu của nước sở tại LILAMA phải thành lập doanh nghiệp tại Brunei. Theo đó, LILAMA đã thành lập LILAMA SEA với tỷ lệ sở hữu 99% vốn điều lệ. Hiện tại dự án đã hoàn thành công tác thi công xây lắp, đang ở giai đoạn chạy thử cuối cùng trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Tùy vào tình hình việc làm tại Brunei và trong khu vực, LILAMA sẽ lựa chọn việc tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Quản lý tài chính của Tổng công ty

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên, rà soát, đối chiếu, phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả, tập trung thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn và lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, thực hiện thanh lý tài sản, kiểm kê theo quy định làm cơ sở lập báo cáo tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính năm 2021 và xây dựng phương án vay vốn, hạn mức tín dụng năm 2021 - 2022 nhằm đảm bảo nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh và thi công các công trình của Tổng công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã thông qua giới hạn tín dụng vay vốn, mở L/C, phát hành bảo lãnh tại một số ngân hàng (Vietcombank, BIDV, TP Bank, MB Bank, SHB...).

Chỉ đạo tiếp tục thu nợ tại các Công ty có nợ đến hạn phải trả Tổng công ty, tuy nhiên do phần lớn các đơn vị vay vốn đang ở trong tình trạng bất ổn về tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ và/hoặc kém hiệu quả nên trong năm 2021, công tác thu hồi nợ (gốc và lãi vay) của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn.

Chi đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại các dự án thi công, nợ đọng từ những năm trước để tập trung nguồn tài chính phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như: Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2, Nhiệt điện Long Phú 1...

Chi đạo thực hiện công tác giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 đối với Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty. Qua đó, chỉ đạo Người đại diện vốn tại các Công ty nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị, chỉ đạo của Tổng công ty liên quan đến công tác quản lý, giám sát tài chính tại doanh nghiệp.

Với chức năng định hướng và giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty và các Công ty thành viên, đảm bảo hoạt động của LILAMA tuân thủ các quy chế, quy định quản lý nội bộ, Điều lệ LILAMA và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty và các Công ty thành viên (thông qua người đại diện phần vốn) tăng cường công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định để đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cảnh báo và đề ra các biện pháp chấn chỉnh phù hợp..

➤ **Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD:**

a. Cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản:	11,86 %
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản:	88,14 %

b. Cơ cấu nguồn vốn (%):

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn:	86,29 %
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn:	13,71 %

c. Khả năng thanh toán (lần):

- Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn:	0,91 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành = TSLĐ/Nợ ngắn hạn:	1,03 lần

d. Tỷ suất lợi nhuận (%):

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản:	0,37 %
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu:	0,71 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu:	1,24 %

Các chỉ số, kết quả trên đây cho thấy:

- Về cơ cấu tài sản: Tỷ lệ tài sản lưu động chiếm phần lớn tổng tài sản.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 86,29%. Do vốn điều lệ của Tổng công ty nhỏ so với quy mô hoạt động và nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay, dẫn tới chi phí tài chính tương đối lớn.
- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán của Tổng công ty lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Tổng công ty hiện đang ở mức chấp nhận được so với đặc thù kinh doanh của ngành.
- Tỷ suất lợi nhuận: Với đặc thù ngành nghề, tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản và Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu của Tổng công ty tương đối thấp. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 1,24%, cho thấy Tổng công ty hoạt động có lãi nhưng hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản lý nội bộ; luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty, đảm bảo thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Từ cuối năm 2019, đại dịch Covid-19 xảy ra trên toàn cầu, tạo nên cuộc khủng hoảng đa chiều, tác động đến nhiều ngành nghề khác nhau, làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, gây nên những ảnh hưởng tiêu cực chưa từng có tiền lệ. Đặc biệt trong năm 2021, khi làn sóng Covid lần thứ 4 ập đến kéo dài, cản quét khốc liệt tiếp tục để lại những hậu quả khôn lường đối với nền kinh tế Việt Nam. Những khó khăn của nền kinh tế đã và đang tác động tiêu cực đến công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm của LILAMA. Tuy vậy, bằng sự cố gắng và nỗ lực cao độ, Tổng công ty vẫn đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong thời gian vừa qua, dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức, vẫn hoàn thành các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ năm 2021 giao phó, duy trì công ăn việc làm, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, nghĩa vụ ngân sách với nhà nước...

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn bám sát các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, đảm bảo theo đúng định hướng phát triển của Tổng công ty, luôn không ngừng củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức, thực hiện các giải pháp đồng bộ để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát triển văn hóa doanh nghiệp, chú trọng công tác quản trị rủi ro

để kịp thời phát hiện và có kế hoạch hành động phù hợp, từng bước cải thiện và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cố gắng nâng cao trách nhiệm, đặt lợi ích của Tổng công ty trên lợi ích cá nhân, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhất, phối hợp chặt chẽ, linh hoạt với Ban điều hành Tổng công ty để cùng đưa LILAMA vượt qua giai đoạn khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022, hướng tới phát triển ổn định và bền vững. Các nhiệm vụ, nhóm giải pháp cần được triển khai thực hiện như sau:

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, bám sát chủ đầu tư, các tổng thầu, chào giá hợp lý để có thể ký kết hợp đồng, đảm bảo công việc cho năm 2022 và các năm tiếp theo.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, tập trung thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, năng suất lao động tại các công trường đang thi công để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022; đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn để có dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình đã thi công hoàn thành.
- Tiếp tục tập trung quyết liệt để hoàn thành công tác quyết toán vốn bản giao sang công ty cổ phần, thoái vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Xây dựng.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án tái cấu trúc trong đó chú trọng công tác thoái vốn đầu tư tại các công ty có phần vốn góp của LILAMA theo lộ trình và kế hoạch đề ra. Đặc biệt, chỉ đạo quyết liệt để thoái vốn tại một số Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.
- Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng ban, phân công lao động hợp lý, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo tại các phòng ban Tổng công ty và Người đại diện vốn tại các công ty thành viên để từng bước cải thiện và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành hoạt động SXKD, tái cơ cấu nguồn nhân lực trên cơ sở tinh gọn, nâng cao năng suất lao động để tiết giảm chi phí cho Tổng công ty.
- Tăng cường công tác quản trị, đặc biệt là quản trị chi phí trong bối cảnh Tổng công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như hiện nay. Theo đó, bằng mọi giải pháp, chỉ đạo tiết giảm tối đa chi phí, thực hành tiết kiệm, quản lý thi công và nhân công tại công trường chặt chẽ, nâng cao năng suất lao động, cân đối cân trọng quỹ tiền lương chi trả phù hợp với thực trạng tình hình SXKD của Tổng công ty...
- Tăng cường công tác giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, giám sát tình hình hoạt động SXKD tại các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty, tăng cường công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro.

- Chỉ đạo người đại diện phân vốn Tổng công ty tại các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các giải pháp đồng bộ để hạn chế những mặt còn tồn tại, yếu kém; cũng như chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch SXKD phù hợp, đảm bảo việc làm và các quyền lợi, chế độ cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, BHXH theo đúng quy định.
- Vì đại dịch Covid 19 được dự báo còn kéo dài và diễn biến phức tạp, ngoài mục tiêu phát triển SXKD, tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty quán triệt, chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các nội dung chỉ đạo mới nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch Covid 19, Bộ Y tế, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND TP Hà Nội và Bộ Xây dựng về công tác phòng, chống dịch Covid 19; sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid 19.
- Tiếp tục chỉ đạo toàn diện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021

(theo Phụ lục đính kèm)

Hà Nội, ngày 19. tháng 04 năm 2022

CHỦ TỊCH HĐQT Trần



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-49
Bảng cân đối kế toán riêng	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-49

100
C
HÀ
H
H

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Bùi Đức Kiên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Lê Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

0106
TỔNG
CÔNG
TY
LẮP
MÁY
VIỆT
NAM
CTCP
TRUNG

5-
TY
LẮP
MÁY
VIỆT
NAM
CTCP

Số: 290322. 026 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của Chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.721.442.048.002	6.034.385.044.907
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.156.786.185.220	877.984.661.352
111	1. Tiền		551.501.291.885	486.736.754.318
112	2. Các khoản tương đương tiền		605.284.893.335	391.247.907.034
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.835.336.450.399	4.629.168.039.966
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.580.809.200.152	4.070.305.204.757
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	695.869.770.099	807.462.748.224
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	377.105.669.770	377.105.669.770
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	388.115.692.818	553.912.631.910
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.206.563.882.440)	(1.179.618.214.695)
140	IV. Hàng tồn kho	10	642.023.780.113	416.988.109.734
141	1. Hàng tồn kho		642.023.780.113	416.988.109.734
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		87.295.632.270	110.244.233.855
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	404.823.329	3.481.526.118
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		59.133.532.574	71.274.605.192
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	27.757.276.367	35.488.102.545
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		769.579.039.354	794.949.964.600
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.571.000.000	9.501.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.571.000.000	9.501.000.000
220	II. Tài sản cố định		92.353.149.155	108.180.917.523
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	64.427.638.028	78.520.457.470
222	- Nguyên giá		401.452.455.020	421.620.554.903
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(337.024.816.992)	(343.100.097.433)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	17.327.831.915	18.648.233.123
225	- Nguyên giá		24.387.807.273	24.387.807.273
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.059.975.358)	(5.739.574.150)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	10.597.679.212	11.012.226.930
228	- Nguyên giá		12.335.728.212	12.335.728.212
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.738.049.000)	(1.323.501.282)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	15	20.035.803.378	22.340.959.530
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.092.160.142)	(34.787.003.990)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	39.604.894.302	39.604.894.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		39.604.894.302	39.604.894.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	568.639.051.469	567.630.873.790
251	1. Đầu tư vào công ty con		96.904.048.828	96.904.048.828
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	271.222.251.568
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		248.959.582.264	248.959.582.264
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(48.446.831.191)	(49.455.008.870)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		40.375.141.050	47.691.319.455
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	38.064.901.050	46.823.959.455
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.a	2.310.240.000	867.360.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>6.491.021.087.356</u>	<u>6.829.335.009.507</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

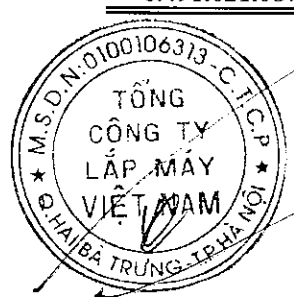
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.600.840.749.364	5.923.721.637.857
310	I. Nợ ngắn hạn		5.581.473.995.253	5.904.695.419.547
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.817.559.539.912	3.736.696.340.405
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	111.363.062.427	251.381.429.180
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.399.101.851	149.924.657
314	4. Phải trả người lao động		19.263.941.948	14.054.388.452
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	421.885.145.792	593.494.188.409
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	771.746.006	771.746.006
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	9.860.192.757	46.962.672.023
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	1.130.885.040.448	1.192.730.816.303
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		67.486.224.112	68.453.914.112
330	II. Nợ dài hạn		19.366.754.111	19.026.218.310
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	15.630.631.311	16.269.242.771
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	842.586.839	883.626.839
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	109.804.800	1.873.348.700
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	2.783.731.161	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		890.180.337.992	905.613.371.650
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	890.750.860.432	903.719.024.090
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		76.221.970.000	69.632.200.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.267.850.432	36.825.784.090
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.227.783.290	14.859.893.027
421b	LNST chưa phân phối năm nay		11.040.067.142	21.965.891.063
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(570.522.440)	1.894.347.560
431	1. Nguồn kinh phí		(570.522.440)	1.894.347.560
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.491.021.087.356	6.829.335.009.507

Lại Việt Tân

Tô Phi Sơn



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	3.388.116.153.378	4.785.170.526.221
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.388.116.153.378	4.785.170.526.221
11	4. Giá vốn hàng bán	28	3.247.576.458.404	4.611.245.034.745
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.539.694.974	173.925.491.476
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	47.190.716.408	75.723.510.467
22	7. Chi phí tài chính	30	110.100.970.330	146.152.850.821
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		83.579.275.227	87.757.605.280
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	66.249.351.981	75.486.954.179
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.380.089.071	28.009.196.943
31	11. Thu nhập khác	32	13.336.536.378	4.812.403.188
32	12. Chi phí khác	33	574.911.721	178.200.989
40	13. Lợi nhuận khác		12.761.624.657	4.634.202.199
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.141.713.728	32.643.399.142
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	14.544.526.586	10.543.108.079
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.b	(1.442.880.000)	134.400.000
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.040.067.142</u>	<u>21.965.891.063</u>

Nguyễn Văn Tân *T. Phi Sơn*



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.141.713.728	32.643.399.142
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.127.147.425	20.497.611.888
03	- Các khoản dự phòng		28.721.221.227	51.432.393.153
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		181.012.993	6.999.321.867
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(55.249.119.513)	(49.924.572.424)
06	- Chi phí lãi vay		83.579.275.227	87.757.605.280
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		100.501.251.087	149.405.758.906
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		774.553.322.086	(134.920.313.437)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(225.035.670.379)	166.617.349.538
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(234.789.028.099)	(479.366.978.280)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.835.761.194	(31.243.235.622)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(84.197.003.800)	(87.364.876.126)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.000.000.000)	(16.525.153.139)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.495.570.000)	(3.358.153.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		324.373.062.089	(436.755.601.160)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(994.222.905)	(273.610.910)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11.718.754.818	4.114.963.227
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.163.745.347	22.138.868.994
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		32.888.277.260	25.980.221.311
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.469.720.273.742	3.491.412.023.138
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.529.948.912.097)	(3.176.269.841.394)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.380.681.400)	(4.453.521.400)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.203.359.550)	(31.839.960.975)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(79.812.679.305)	278.848.699.369

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		277.448.660.044	(131.926.680.480)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		877.984.661.352	1.010.899.643.547
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.352.863.824	(988.301.715)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.156.786.185.220</u>	<u>877.984.661.352</u>

Lại Việt Tân

Tô Phi Sơn



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 797.261.040.000 đồng; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 720 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 580 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Hoạt động chính của Tổng công ty là thi công và xây lắp các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của Tổng công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có 5 công ty con và 10 công ty liên kết. Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất tại 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 đến 60 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản..

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan....

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	170.907.198	616.708.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	551.330.384.687	486.120.045.370
Các khoản tương đương tiền	605.284.893.335	391.247.907.034
	<u><u>1.156.786.185.220</u></u>	<u><u>877.984.661.352</u></u>

Tại 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 605.284.893.335 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

NG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Mã Chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		96.904.048.828	(11.708.118.915)	96.904.048.828	(10.800.936.883)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD		64.336.340.000	-	64.336.340.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	LO5	9.180.000.000	(9.180.000.000)	9.180.000.000	(9.180.000.000)
- Công ty Cổ phần Lilama 7	LM7	7.905.000.000	-	7.905.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	L35	8.492.667.900	-	8.492.667.900	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT		6.990.040.928	(2.528.118.915)	6.990.040.928	(1.620.936.883)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	(9.571.369.316)	271.222.251.568	(9.575.374.728)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	L45	18.908.271.421	(4.241.895.230)	18.908.271.421	(4.245.900.642)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	L43	7.002.100.000	-	7.002.100.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	L44	5.188.680.200	(5.188.680.200)	5.188.680.200	(5.188.680.200)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama		29.697.241.118	-	29.697.241.118	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	LCD	3.907.800.000	-	3.907.800.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama		1.100.135.974	(140.793.886)	1.100.135.974	(140.793.886)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	L10	52.111.309.091	-	52.111.309.091	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	LM8	86.688.820.750	-	86.688.820.750	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	L61	28.832.055.556	-	28.832.055.556	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	L63	37.785.837.458	-	37.785.837.458	-
Đầu tư vào đơn vị khác		248.959.582.264	(27.167.342.960)	248.959.582.264	(29.078.697.259)
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(33.884.148)	2.165.892.592	(32.124.434)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(236.724.752)	16.169.971.505	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama		86.548.866.279	(7.097.697.357)	86.548.866.279	(9.247.536.122)
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		617.085.882.660	(48.446.831.191)	617.085.882.660	(49.455.008.870)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Báo cáo tài chính riêng**

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các giao dịch phát sinh với Công ty con, Công ty liên kết xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá đóng cửa tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 của các công ty này là giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 5	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 7	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp

CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

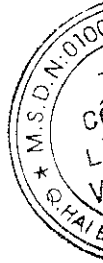
124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama	Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Hà Nội	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	2.534.603.447.042	-	2.714.055.714.143	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	481.752.362.583	(340.238.613.776)	484.890.856.579	(287.967.267.795)
- Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd- Nghi Sơn 2	97.897.400.000	-	195.508.850.000	-
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	-	146.413.089.510	-
- Công ty CP Xi măng Tân Thắng	64.168.361.316	-	106.364.508.569	-
- Công ty CP Xi măng Sông Thao	70.484.307.105	(70.484.307.105)	93.038.469.571	(93.038.469.571)
- Phải thu khách hàng khác	331.903.322.106	(35.959.784.829)	330.033.716.385	(51.345.015.720)
	<u>3.580.809.200.152</u>	<u>(446.682.705.710)</u>	<u>4.070.305.204.757</u>	<u>(432.350.753.086)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>14.228.515.722</u>	<u>(3.510.895.558)</u>	<u>156.967.554.669</u>	<u>(3.510.895.558)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
- Trả trước cho người bán khác	195.401.170.627	(81.393.958.336)	306.994.148.752	(81.393.958.336)
	<u>695.869.770.099</u>	<u>(81.393.958.336)</u>	<u>807.462.748.224</u>	<u>(81.393.958.336)</u>
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>51.379.986.976</u>	-	<u>95.986.472.041</u>	-

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty CP Lilama 45.1	109.861.383.422	(109.861.383.422)	109.861.383.422	(109.861.383.422)
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	<u>377.105.669.770</u>	<u>(377.105.669.770)</u>	<u>377.105.669.770</u>	<u>(377.105.669.770)</u>
b) Trong đó: Phải thu về cho vay các bên liên quan				
	<u>135.485.661.877</u>	<u>(135.485.661.877)</u>	<u>135.485.661.877</u>	<u>(135.485.661.877)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.886.520.252	(244.141.596.578)	232.805.807.356	(231.527.881.457)
- Tạm ứng	1.309.491.013	-	1.985.163.722	-
- Ký cược, ký	930.000.000	-	1.000.000.000	-
- Phải thu khác phục sự cố dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	-	-	171.912.922.050	-
- Phải thu tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽¹⁾	45.937.813.423	-	48.286.685.983	-
- Phải thu khác	90.719.879.930	(54.107.963.846)	94.590.064.599	(54.107.963.846)
	<u>388.115.692.818</u>	<u>(301.381.548.624)</u>	<u>553.912.631.910</u>	<u>(288.767.833.503)</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.571.000.000	-	9.501.000.000	-
	8.571.000.000	-	9.501.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	62.090.455.626	(61.718.550.690)	57.331.111.027	(49.104.835.569)

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

(1) Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	340.238.613.776	-	352.309.512.406	64.342.244.611
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	70.484.307.105	-	93.038.469.571	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	-	20.026.382.739	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	15.097.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	5.606.090.535	-
- Các khoản khác	12.344.765.654	526.099.200	11.118.890.866	504.000.000
b. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty CP Lilama 45.1	109.861.383.422	-	109.861.383.422	-
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.112.235.998	-	11.112.235.998	-
- Công ty CP Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	-	75.867.468.383	-
- Công ty CP Lilama 45.1	49.335.551.717	-	39.107.456.922	-
- Công ty CP Lilama 45.3	9.251.010.773	-	6.865.390.447	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	thu hồi	Giá gốc	thu hồi
	VND	VND	VND	VND
d. Ứng trước cho người bán				
- Công ty CP Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	12.061.005.420	-	12.061.005.420	-
- Các khoản khác	2.434.517.407	-	2.434.517.407	-
	<u>1.207.089.981.640</u>	<u>526.099.200</u>	<u>1.244.464.459.306</u>	<u>64.846.244.611</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.416.222.754	-	5.113.888.100	-
Công cụ, dụng cụ	2.097.151.606	-	136.382.200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	619.907.066.509	-	411.737.839.434	-
Hàng hoá	18.603.339.244	-	-	-
	<u>642.023.780.113</u>	<u>-</u>	<u>416.988.109.734</u>	<u>-</u>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	460.464.818.787	311.363.896.555
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	37.959.188.301	46.300.520.227
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	12.334.628.610	12.334.628.610
- Nhà máy hóa dầu Long Sơn	71.880.454.280	18.674.900.769
- Nhà máy điện Vân Phong 1	32.807.422.502	-
- Các công trình khác	4.460.554.029	23.063.893.273
	<u>619.907.066.509</u>	<u>411.737.839.434</u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	35.579.511.953	35.579.511.953
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3	4.025.382.349	4.025.382.349
	<u>39.604.894.302</u>	<u>39.604.894.302</u>

NG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

24, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	87.582.752.216	13.924.169.443	287.244.214.346	8.243.261.479	24.626.157.419	421.620.554.903
- Mua trong năm	-	222.467.082	-	31.818.181	417.416.642	671.701.905
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	322.521.000	-	-	-	322.521.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(210.753.620)	-	(1.438.015.826)	(19.513.553.342)	(21.162.322.788)
Số dư cuối năm	87.582.752.216	14.258.403.905	287.244.214.346	6.837.063.834	5.530.020.719	401.452.455.020
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.062.922.516	8.949.017.759	259.507.147.743	7.718.853.456	23.862.155.959	343.100.097.433
- Khấu hao trong năm	3.042.007.448	1.345.807.604	10.106.033.472	247.551.937	345.641.886	15.087.042.347
- Thanh lý, nhượng bán	-	(210.753.620)	-	(1.438.015.826)	(19.513.553.342)	(21.162.322.788)
Số dư cuối năm	46.104.929.964	10.084.071.743	269.613.181.215	6.528.389.567	4.694.244.503	337.024.816.992
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	44.519.829.700	4.975.151.684	27.737.066.603	524.408.023	764.001.460	78.520.457.470
Tại ngày cuối năm	41.477.822.252	4.174.332.162	17.631.033.131	308.674.267	835.776.216	64.427.638.028

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 188.784.684.640 đồng.



TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	23.522.000.000	865.807.273	24.387.807.273
Số dư cuối năm	23.522.000.000	865.807.273	24.387.807.273
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.390.458.315	349.115.835	5.739.574.150
- Trích khấu hao	1.176.099.996	144.301.212	1.320.401.208
Số dư cuối năm	6.566.558.311	493.417.047	7.059.975.358
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.131.541.685	516.691.438	18.648.233.123
Tại ngày cuối năm	16.955.441.689	372.390.226	17.327.831.915

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.597.679.212	1.738.049.000	12.335.728.212
Số dư cuối năm	10.597.679.212	1.738.049.000	12.335.728.212
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.323.501.282	1.323.501.282
- Khấu hao trong năm	-	414.547.718	414.547.718
Số dư cuối năm	-	1.738.049.000	1.738.049.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.597.679.212	414.547.718	11.012.226.930
Tại ngày cuối năm	10.597.679.212	-	10.597.679.212

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của đơn vị là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 đồng, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2021 là 37.092.160.142 đồng, khấu hao trong năm là 2.305.156.152 đồng, giá trị còn lại của tài sản là 20.035.803.378 đồng.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước công trình Nam Côn Sơn	-	2.706.471.074
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	191.913.604	174.818.512
Chi phí trả trước Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	36.681.815	188.084.424
Chi phí trả trước dự án Điện Văn Phong I	176.227.910	193.928.488
Chi phí trả trước công trình Nhiệt điện Sông Hậu I	-	28.082.500
Chi phí trả trước các công trình khác	-	190.141.120
	404.823.329	3.481.526.118

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn Ban dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	765.343.955	3.782.702.408
Chi phí trả trước cho thuê cầu	1.705.763.708	1.371.859.613
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	331.885.441	664.623.806
Chi phí trả trước tại dự án Bắc Vinh	1.342.727.210	2.658.802.881
Chi phí trả trước công trình Nhiệt điện Sông Hậu 1	-	33.439.992
Chi phí trả trước dài hạn Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	8.254.754.812	21.888.500.483
Chi phí trả trước dài hạn dự án Điện Văn Phong 1	25.664.425.924	16.424.030.272
	<u>38.064.901.050</u>	<u>46.823.959.455</u>

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	1.877.305.117.153	1.877.305.117.153	1.904.371.912.851	1.904.371.912.851
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	284.925.704.791	284.925.704.791	290.283.288.661	290.283.288.661
- Công ty Cổ phần Lilama 18	194.997.425.450	194.997.425.450	141.718.306.256	141.718.306.256
- Liên doanh Tập đoàn TOSHIBA và Tập đoàn SOJITZ	195.533.697.067	195.533.697.067	191.529.707.251	191.529.707.251
- Công ty Cổ phần Lilama 10	119.340.407.549	119.340.407.549	99.076.295.537	99.076.295.537
- Công ty CP xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	107.038.842.393	107.038.842.393	104.204.313.720	104.204.313.720
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	93.209.010.165	93.209.010.165	101.279.171.599	101.279.171.599
Phải trả các đối tượng khác	945.209.335.344	945.209.335.344	904.233.344.530	904.276.544.530
	<u>3.817.559.539.912</u>	<u>3.817.559.539.912</u>	<u>3.736.696.340.405</u>	<u>3.736.739.540.405</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>456.769.177.351</u>	<u>456.769.177.351</u>	<u>426.113.701.002</u>	<u>426.113.701.002</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

NG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	17.978.447.431	6.824.867	16.088.528.317	15.607.011.170	18.048.605.980	558.500.563	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	1.546.477.254	1.546.477.254	1.743.892.812	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.421.667.881	-	14.544.526.586	7.000.000.000	7.964.777.575	87.636.280	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	344.094.421	-	1.316.428.497	895.153.300	-	77.180.776	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.779.613.223	4.779.613.223	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	143.099.790	9.388.013.792	7.855.329.350	-	1.675.784.232	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	14.858.278	14.858.278	-	-	-	-	-	-	-	-
	35.488.102.545	149.924.657	47.678.445.947	37.698.442.575	27.757.276.367	2.399.101.851						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẢN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA NĐ BOT Vân Phong 1	33.132.262.150	85.705.015.901
- Liên danh TPSK - Thầu chính thi công gói thầu A1 - XDNM OLEFINS và các CV có liên quan	-	46.585.297.517
- Chi nhánh Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	17.786.090.112
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.733.518.297
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	31.604.484.770	24.005.123.311
- Hyundai Engineering Co.,Ltd - Hóa dầu Long Sơn	-	15.631.444.323
- Các đối tượng khác	5.848.817.363	20.934.939.719
	111.363.062.427	251.381.429.180

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẢN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	966.707.253	1.584.435.826
- Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	-	124.404.394.022
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	113.667.365.179
- Công trình Nhiệt điện Thái Bình 2	95.105.962.451	91.809.048.032
- Công trình Nhiệt điện Nghi Sơn 2	53.332.597.208	87.390.128.579
- Công trình đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	-	28.003.163.456
- Nhà máy phân đạm A/U Brunei	27.450.511	24.857.394.523
- Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	14.042.561.248	13.204.882.006
- Dự án Đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2	10.034.139.408	18.204.836.434
- Công trình nhiệt điện Barth Ấn Độ	9.347.532.525	9.347.532.525
- Liên danh TPSK - Thầu chính thi công gói thầu A1 - XDNM OLEFINS	-	12.804.046.762
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA NĐ BOT Vân Phong 1	61.666.160.829	2.355.511.200
- Chi phí phải trả khác	68.529.156.712	65.861.449.865
	421.885.145.792	593.494.188.409

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	133.134.546	133.134.546
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất Bắc Vinh	638.611.460	638.611.460
	771.746.006	771.746.006
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất Bắc Vinh	15.630.631.311	16.269.242.771
	15.630.631.311	16.269.242.771

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.293.965.070	1.257.006.722
- Bảo hiểm xã hội	1.055.190.659	949.861.875
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	615.370.000	115.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	208.603.375	466.742.125
- Phải trả tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ	-	15.282.491.174
- Doosan Heavy Industries & Construction Co.,Ltd	1.013.623.569	15.546.577.794
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.473.440.084	13.144.622.333
	<u><u>9.860.192.757</u></u>	<u><u>46.962.672.023</u></u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	842.586.839	883.626.839
	<u><u>842.586.839</u></u>	<u><u>883.626.839</u></u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>	<u><u>1.030.218.004</u></u>	<u><u>8.848.215.080</u></u>

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.783.731.161	-
	<u><u>2.783.731.161</u></u>	<u><u>-</u></u>

10
03
01
NC
P
ET
RL

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTPC

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.189.350.134.903	1.189.350.134.903	2.469.720.273.742	2.529.948.912.097	1.129.121.496.548	1.129.121.496.548
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơ Giao dịch I (1)	901.575.083.696	901.575.083.696	1.622.729.063.549	1.673.607.903.006	850.696.244.239	850.696.244.239
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (2)	4.797.032.046	4.797.032.046	18.584.929.081	11.877.111.677	11.504.849.450	11.504.849.450
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (3)	282.978.019.161	282.978.019.161	828.406.281.112	844.463.897.414	266.920.402.859	266.920.402.859
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.380.681.400	3.380.681.400	1.763.543.900	3.380.681.400	1.763.543.900	1.763.543.900
- Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (4)	3.234.275.000	3.234.275.000	1.617.137.500	3.234.275.000	1.617.137.500	1.617.137.500
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội (5)	146.406.400	146.406.400	146.406.400	146.406.400	146.406.400	146.406.400
	1.192.730.816.303	1.192.730.816.303	2.471.483.817.642	2.533.329.593.497	1.130.885.040.448	1.130.885.040.448
Vay dài hạn						
- Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (4)	4.851.412.500	4.851.412.500	-	3.234.275.000	1.617.137.500	1.617.137.500
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội (5)	402.617.600	402.617.600	-	146.406.400	256.211.200	256.211.200
	5.254.030.100	5.254.030.100	-	3.380.681.400	1.873.348.700	1.873.348.700
	(3.380.681.400)	(3.380.681.400)	(1.763.543.900)	(3.380.681.400)	(1.763.543.900)	(1.763.543.900)
	1.873.348.700	1.873.348.700			109.804.800	109.804.800

Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay ngắn hạn từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/518/HĐTĐHM ngày 01/02/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 14/06/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.600.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2021;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 850.696.244.239 đồng;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (2) Vay ngắn hạn từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/518/HĐTĐ ngày 01/02/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2021;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.504.849.450 đồng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 97/2021/HĐTD/PHG/01 ngày 12/04/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 12/04/2022;
 - + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 266.920.402.859 đồng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 102.16.02/CTTC ngày 03/02/2016: với các thông tin như sau:
- + Loại tài sản: cần trục tháp;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 19.405.650.000 đồng;
 - Thời hạn thuê: 72 tháng;
 - + Lãi suất: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.617.137.500 đồng; trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 1.617.137.500 đồng.
- (5) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21718000077/HĐCTTC ngày 20 tháng 07 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: xe ô tô;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 732.032.000 đồng;
 - + Thời hạn thuê: 60 tháng;
 - + Lãi suất: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 256.211.200 đồng; trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 146.406.400 đồng.

CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000		50.751.510.000		82.323.925.074	930.336.475.074	
Lãi trong năm trước	-		-		21.965.891.063	21.965.891.063	
Phân phối lợi nhuận	-		18.880.690.000		(60.902.001.600)	(42.021.311.600)	
Giảm khác	-		-		(6.562.030.447)	(6.562.030.447)	
Số dư cuối năm trước	797.261.040.000		69.632.200.000		36.825.784.090	903.719.024.090	
Số dư đầu năm nay	797.261.040.000		69.632.200.000		36.825.784.090	903.719.024.090	
Lãi trong năm nay	-		-		11.040.067.142	11.040.067.142	
Phân phối lợi nhuận	-		6.589.770.000		(30.598.000.800)	(24.008.230.800)	
Số dư cuối năm nay	797.261.040.000		76.221.970.000		17.267.850.432	890.750.860.432	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 211/NQ-DHĐCĐ ngày 29/06/2021, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP công bố việc phân phối lợi nhuận lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	36.825.784.090
Trích Quỹ đầu tư phát triển	17,89%	6.589.770.000
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,00%	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21,90%	8.063.010.000
Chi trả cổ tức (bằng 2% vốn điều lệ)	43,30%	15.945.220.800
Lợi nhuận chưa phân phối	16,91%	6.227.783.290

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Cổ đông nhà nước	97,88%	780.324.040.000	97,88%	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12%	16.937.000.000	2,12%	16.937.000.000
	100%	797.261.040.000	100%	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

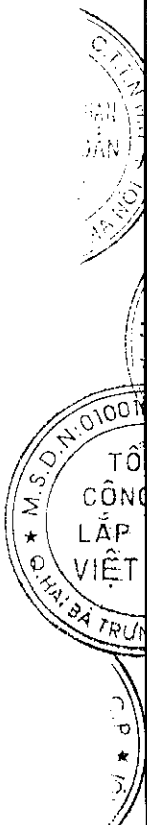
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	466.742.125	416.261.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	15.945.220.800	31.890.441.600
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.945.220.800	31.890.441.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(16.203.359.550)	(31.839.960.975)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(16.203.359.550)	(31.839.960.975)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	208.603.375	466.742.125

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.221.970.000	69.632.200.000
	76.221.970.000	69.632.200.000



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	18.815.144,79	17.992.588,71
- Đồng Euro (EUR)	321,18	2.672,10

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.616.002.099	79.683.638.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.714.211.927	77.793.341.789
Doanh thu hợp đồng xây lắp	3.304.785.939.352	4.627.693.546.140
	3.388.116.153.378	4.785.170.526.221

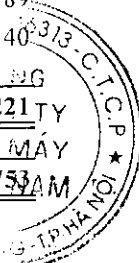
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

	48.086.753.117	156.867.868.753
--	-----------------------	------------------------

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.616.002.099	79.683.638.292
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	65.631.731.444	79.408.143.533
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	3.175.328.724.861	4.452.153.252.920
	3.247.576.458.404	4.611.245.034.745

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.456.187.958	41.005.878.472
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.926.347.500	4.804.777.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.660.351.713	25.936.915.443
Lãi trả chậm	10.147.829.237	3.975.939.052
	47.190.716.408	75.723.510.467
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	20.457.892.313	21.428.989.797
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>		

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	83.579.275.227	87.757.605.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.636.378.875	17.087.855.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	181.012.993	6.999.321.867
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(1.008.177.679)	9.923.147.005
Dự phòng lãi vay khó đòi	12.613.715.121	24.249.045.899
Chi phí tài chính khác	98.765.793	135.875.165
	110.100.970.330	146.152.850.821

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	697.996.065	957.053.136
Chi phí nhân công	34.082.295.711	35.743.101.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.705.342.869	4.837.579.020
Thuế, phí, lệ phí	33.709.337	175.564.748
Chi phí dự phòng	14.331.952.624	17.260.200.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.582.746.904	9.270.233.453
Chi phí khác bằng tiền	3.815.308.471	7.243.222.127
	66.249.351.981	75.486.954.179
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan	714.952.726	785.454.544
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>		

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	11.718.754.818	4.113.916.452
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ	1.395.896.124	-
Thu nhập khác	221.885.436	698.486.736
	13.336.536.378	4.812.403.188

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	13.873.278	59.138.423
Chi phí khác	561.038.443	119.062.566
	574.911.721	178.200.989

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.229.257.188	32.031.638.205
Các khoản điều chỉnh tăng	54.507.266.702	25.548.918.756
- Chi phí không hợp lệ	13.873.278	119.288.372
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	24.248.483.750	7.255.464.268
- Lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	23.030.509.674	18.174.166.116
- Chênh lệch tạm thời khi tính thuế (*)	7.214.400.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.926.347.500)	(5.476.777.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.926.347.500)	(4.804.777.500)
- Chênh lệch tạm thời khi tính thuế (*)	-	(672.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	70.810.176.390	52.103.779.461
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	14.162.035.278	10.420.755.892
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	6.562.030.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(15.126.812.853)	(16.109.599.192)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(7.000.000.000)	(16.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	(7.964.777.575)	(15.126.812.853)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	1.912.456.540	611.760.937
Thu nhập tính thuế TNDN	1.912.456.540	611.760.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	382.491.308	122.352.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(294.855.028)	107.945.924
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(525.153.139)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	87.636.280	(294.855.028)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	14.544.526.586	10.543.108.079
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(7.877.141.295)	(15.421.667.881)

(*) Là khoản chênh lệch giữa số trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty với khoản đầu tư tại Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí theo quy định của chuẩn mực kế toán và số trích lập dự phòng theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến dự phòng khoản đầu tư	2.310.240.000	867.360.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.310.240.000	867.360.000

b) Thu nhập/Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Thu nhập/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế liên quan đến dự phòng khoản đầu tư	(1.442.880.000)	134.400.000
	(1.442.880.000)	134.400.000

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.143.305.215	23.201.199.475
Chi phí nhân công	137.284.146.548	107.937.476.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.127.147.425	20.497.611.888
Trích lập dự phòng	14.331.952.624	17.260.200.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.587.648.399	124.692.791.069
Chi phí thuê thầu phụ	3.182.166.711.332	4.110.382.770.371
Chi phí khác bằng tiền	55.341.463.062	49.848.551.901
	3.533.982.374.605	4.453.820.601.173

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.156.786.185.220	-	877.984.661.352	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.977.495.892.970	(748.064.254.334)	4.633.718.836.667	(721.118.586.589)
Các khoản cho vay	377.105.669.770	(377.105.669.770)	377.105.669.770	(377.105.669.770)
Đầu tư dài hạn	105.495.125.309	(19.799.036.703)	105.495.125.309	(19.799.036.703)
	5.616.882.873.269	(1.144.968.960.807)	5.994.304.293.098	(1.118.023.293.062)

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.130.994.845.248	1.194.604.165.003
Phải trả người bán, phải trả khác	3.828.262.319.508	3.784.542.639.267
Chi phí phải trả	421.885.145.792	593.494.188.409
	5.381.142.310.548	5.572.640.992.679

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.156.786.185.220	-	-	1.156.786.185.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.220.860.638.636	8.571.000.000	-	3.229.431.638.636
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	<u>4.377.646.823.856</u>	<u>8.571.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.386.217.823.856</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	877.984.661.352	-	-	877.984.661.352
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.903.099.250.078	9.501.000.000	-	3.912.600.250.078
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	<u>4.781.083.911.430</u>	<u>9.501.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.790.584.911.430</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.130.885.040.448	109.804.800	-	1.130.994.845.248
Phải trả người bán, phải trả khác	3.827.419.732.669	842.586.839	-	3.828.262.319.508
Chi phí phải trả	421.885.145.792	-	-	421.885.145.792
	5.380.189.918.909	952.391.639	-	5.381.142.310.548
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	1.192.730.816.303	1.873.348.700	-	1.194.604.165.003
Phải trả người bán, phải trả khác	3.783.659.012.428	883.626.839	-	3.784.542.639.267
Chi phí phải trả	593.494.188.409	-	-	593.494.188.409
	5.569.884.017.140	2.756.975.539	-	5.572.640.992.679

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán hàng hóa VND	Hoạt động xây lắp, dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần	6.616.002.099	3.381.500.151.279	3.388.116.153.378
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	140.539.694.974	140.539.694.974
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	994.222.905	994.222.905
Tài sản không phân bổ	-	-	6.491.021.087.356
Tổng tài sản	-	-	6.491.021.087.356
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.600.840.749.364
Tổng nợ phải trả	-	-	5.600.840.749.364

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.385.631.241.699	2.484.911.679	3.388.116.153.378
Tài sản bộ phận	-	-	6.491.021.087.356

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết
Và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	

Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	48.086.753.117	156.867.868.753
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	2.484.911.679	34.161.731.716
Công ty Cổ phần Lilama 5	1.016.465.814	1.052.172.325
Công ty Cổ phần Lilama 7	1.146.345.339	17.851.751.228
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	1.606.355.664	3.279.792.811
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	430.469.879	570.549.518
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	302.457.856	1.637.072.393
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	91.593.805	35.099.850
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	163.235.200	172.369.280
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	186.937.509	694.797.205
Công ty Cổ phần Lilama 10	10.361.671.253	9.065.865.531
Công ty Cổ phần Lilama 18	18.728.825.683	47.459.263.055
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	6.272.749.861	37.229.730.089
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	5.294.733.575	3.657.673.752

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.700.646.666.952	1.666.505.960.657
Công ty Cổ phần Lilama 5	56.294.876.431	54.345.287.380
Công ty Cổ phần Lilama 7	16.821.698.777	78.290.156.099
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	34.480.532.925	68.676.273.705
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	10.654.727.011	8.580.038.279
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	30.740.824.341	53.223.665.652
Công ty Cổ phần Lilama 10	363.490.853.668	323.173.961.248
Công ty Cổ phần Lilama 18	804.120.787.037	687.049.906.260
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	343.317.494.571	286.331.624.627
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	37.037.050.715	105.704.592.861
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	3.687.821.476	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	1.130.454.546
Cổ tức được chia	5.926.347.500	4.804.777.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	230.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	2.365.947.500	1.013.977.500
Lãi cho vay, lãi trả chậm	14.531.544.813	16.624.212.297
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	10.228.094.795	10.256.116.973
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.385.620.326	2.392.156.272
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	1.917.829.692	3.975.939.052

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	14.228.515.722	156.967.554.669
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	146.413.089.510
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.346.950.612	4.014.246.971
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	139.363.021	38.609.835
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	3.510.895.558
Công ty Cổ phần Lilama 10	754.839.322	1.043.704.845
Công ty Cổ phần Lilama 18	1.885.411.725	1.717.169.270
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	120.164.594	50.819.330
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	1.412.928	1.491.424
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	66.596.446	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	299.624.300	-
Công ty Cổ phần Lilama 7	82.341.263	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	2.980.234.553	137.927.926
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	39.600.000	39.600.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	51.379.986.976	95.986.472.041
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	35.964.881.678	46.365.949.049
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.409.793.614	1.409.793.614
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	11.431.018.327	11.431.018.327
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	2.574.293.357	36.779.711.051
Phải thu về cho vay	135.485.661.877	135.485.661.877
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	109.861.383.422	109.861.383.422
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	25.624.278.455

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khác	62.090.455.626	57.331.111.027
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	360.733.156	7.538.781.458
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	49.335.551.717	39.107.456.922
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	9.251.010.773	6.865.390.447
Công ty Cổ phần Lilama 5	11.171.780	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	-	218.006.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	-	287.216.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	182.272.000
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	3.131.988.200
Phải trả người bán ngắn hạn	456.769.177.351	426.113.701.002
Công ty Cổ phần Lilama 5	37.604.399.577	44.275.016.936
Công ty Cổ phần Lilama 7	17.758.464.125	27.194.386.594
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	3.680.866.379	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	31.320.992.765	39.800.650.401
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	1.039.869.007	2.292.923.516
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	23.986.950.676	20.233.689.554
Công ty Cổ phần Lilama 10	119.340.407.549	99.076.295.537
Công ty Cổ phần Lilama 18	194.997.425.450	141.718.306.256
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	27.039.801.823	51.522.432.208
Phải trả khác	1.030.218.004	8.848.215.080
Công ty Cổ phần Lilama 5	23.231.733	81.160.256
Công ty Cổ phần Lilama 7	42.526.512	41.247.168
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	115.110.800	116.659.200
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	43.903.860	16.336.320
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	-	38.864.960
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
Công ty Cổ phần Lilama 10	180.143.964	5.487.399.424
Công ty Cổ phần Lilama 18	545.167.047	2.864.745.248
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	23.115.456	102.543.872
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	-	42.240.000

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Thu nhập năm	Thu nhập năm
		2021	2020
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	516.000.000	456.000.000
Ông Nguyễn Đình Hải	Chủ tịch, miễn nhiệm ngày 01/11/2020	-	430.000.000
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên bổ nhiệm ngày 29/06/2021	42.000.000	-
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Thu nhập năm 2021</u>	<u>Thu nhập năm 2020</u>
		VND	VND
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	564.000.000	540.000.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	384.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	444.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	384.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	444.000.000
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	-	-

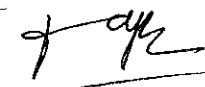
Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lại Việt Tân
Người lập



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51

M.S.D.
11/11/2011

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

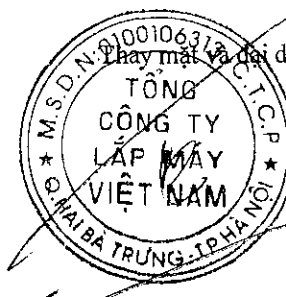
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bùi Đức Kiên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc *tuyn*
Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Số: 300322.026/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

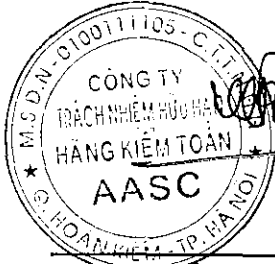
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của Chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

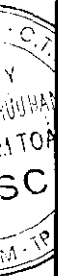
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.451.439.189.637	6.720.805.598.775
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.228.695.716.313	895.879.299.471
111	1. Tiền		617.710.822.978	502.631.392.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		610.984.893.335	393.247.907.034
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.463.000.000	3.463.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.463.000.000	3.463.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.158.851.652.951	4.957.417.353.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.883.571.203.508	4.403.195.695.631
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	702.346.331.566	814.318.102.070
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	377.105.669.770	377.105.669.770
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	418.594.913.752	569.941.777.157
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.222.766.465.645)	(1.207.143.891.492)
140	IV. Hàng tồn kho	10	972.473.684.510	753.162.333.899
141	1. Hàng tồn kho		972.473.684.510	753.162.333.899
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		87.955.135.863	110.883.612.269
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	528.168.426	3.622.013.581
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		59.612.558.417	71.753.631.035
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	27.814.409.020	35.507.967.653
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		941.696.069.684	1.027.779.713.674
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.655.300.000	9.585.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.655.300.000	9.585.300.000
220	II. Tài sản cố định		170.103.492.240	199.930.047.033
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	134.726.377.065	162.527.844.540
222	- Nguyên giá		737.595.241.489	764.426.562.828
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(602.868.864.424)	(601.898.718.288)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	19.123.258.128	20.733.797.728
225	- Nguyên giá		26.999.052.728	26.999.052.728
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.875.794.600)	(6.265.255.000)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	16.253.857.047	16.668.404.765
228	- Nguyên giá		18.370.095.231	18.370.095.231
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.116.238.184)	(1.701.690.466)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

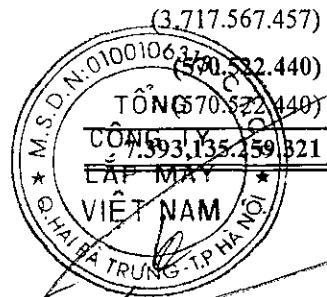
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	15	20.035.803.378	22.340.959.530
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.092.160.142)	(34.787.003.990)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	40.772.441.347	40.772.441.347
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.772.441.347	40.772.441.347
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	633.267.891.386	634.503.277.901
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		397.790.480.667	398.787.382.716
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.227.056.322	255.227.056.322
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(20.069.645.603)	(19.831.161.137)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		320.000.000	320.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		68.861.141.333	120.647.687.863
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	68.749.294.733	120.477.420.333
269	2. Lợi thế thương mại		111.846.600	170.267.530
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.393.135.259.321	7.748.585.312.449

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.341.962.720.528	6.646.454.663.929
310	I. Nợ ngắn hạn		6.319.206.855.688	6.623.027.303.764
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.872.928.488.864	3.813.409.244.107
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	114.525.199.603	272.979.404.499
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	36.238.779.993	20.573.783.563
314	4. Phải trả người lao động		41.193.087.061	53.464.433.705
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	518.896.661.737	638.173.510.917
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	771.746.006	809.973.279
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	97.949.242.703	141.063.707.377
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	1.530.803.614.010	1.600.623.244.957
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	38.137.116.243	12.993.580.874
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		67.762.919.468	68.936.420.486
330	II. Nợ dài hạn		22.755.864.840	23.427.360.165
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		1.588.264.113	1.588.264.113
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	15.630.631.311	16.269.242.771
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	842.586.839	883.626.839
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	601.554.815	2.758.498.711
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.309.096.601	1.927.727.731
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	23	2.783.731.161	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.051.172.538.793	1.102.130.648.520
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.051.743.061.233	1.100.236.300.960
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		797.261.040.000	797.261.040.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.694.624.230	1.694.624.230
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(32.374.321.082)	(32.374.321.082)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(9.525.377.644)	(6.110.062.292)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		86.487.906.779	79.898.136.779
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.290.851	18.290.851
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		211.898.465.556	229.685.600.129
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		196.864.018.111	171.124.611.548
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		15.034.447.445	58.560.988.581
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(3.717.567.457)	30.162.992.345
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(570.532.440)	1.894.347.560
431	1. Nguồn kinh phí		(570.532.440)	1.894.347.560
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.593.135.259.321	7.748.585.312.449



Đặng

Phi Sơn

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	3.826.141.768.019	6.060.290.336.680		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.826.141.768.019	6.060.290.336.680		
11	4. Giá vốn hàng bán	28	3.634.336.134.520	5.785.105.614.080		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.805.633.499	275.184.722.600		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	59.644.779.509	96.991.828.153		
22	7. Chi phí tài chính	30	150.621.263.275	196.632.676.774		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		119.162.531.396	130.032.961.842		
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(996.902.049)	7.804.544.128		
25	9. Chi phí bán hàng		-	-		
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	106.437.738.807	144.437.209.821		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.605.491.123)	38.911.208.286		
31	12. Thu nhập khác	32	21.489.747.597	6.105.665.561		
32	13. Chi phí khác	33	6.768.471.736	2.133.050.352		
40	14. Lợi nhuận khác		14.721.275.861	3.972.615.209		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.115.784.738	42.883.823.495		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	28.141.034.156	11.444.204.683		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(617.985.163)	10.212.066.921		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.407.264.255)	21.227.551.891		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.034.447.445	58.560.988.581		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(34.441.711.700)	(37.333.436.690)		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	189	735		

[Signature]

[Signature]



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kê toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.115.784.738	42.883.823.495
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.692.793.883	36.933.107.173
03	- Các khoản dự phòng		41.638.486.384	47.512.390.903
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		181.012.993	6.999.321.867
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(59.805.046.189)	(55.226.869.490)
06	- Chi phí lãi vay		119.162.531.396	130.032.961.842
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		141.985.563.205	209.134.735.790
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		789.656.045.619	(257.556.165.960)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(219.311.350.611)	373.167.844.875
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(262.741.317.586)	(751.023.074.128)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		54.821.970.755	65.486.234.766
14	- Tiền lãi vay đã trả		(103.525.212.757)	(96.279.075.968)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.941.328.142)	(16.611.306.080)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.701.381.018)	(3.495.553.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		381.242.989.465	(477.176.359.705)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.290.713.318)	(447.110.910)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		18.740.818.809	4.380.781.409
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.930.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	13.440.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.950.392.455	18.883.072.061
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.400.497.946	34.326.742.560
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.555.440.088.045	3.681.262.868.528
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.624.035.981.488)	(3.388.542.057.619)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.380.681.400)	(393.399.996)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.203.359.550)	(31.839.960.975)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(88.179.934.393)	260.487.449.938

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

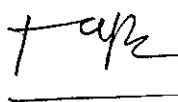
Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

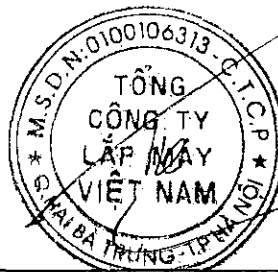
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		331.463.553.018	(182.362.167.207)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		895.879.299.471	1.079.229.768.393
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.352.863.824	(988.301.715)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.228.695.716.313</u>	<u>895.879.299.471</u>



Lại Việt Tân
Người lập



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 797.261.040.000 đồng; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.375 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 2.189 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là thi công và xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 7	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp

Tổng Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây truyền công nghệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Cơ sở chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con

Công ty TNHH Lilama South East Asia BHD - Công ty con của Tổng Công ty lập báo cáo tài chính theo đồng Đô la Brunei (BND). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập bằng Đô la Brunei (BND) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 317 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 15 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 đến 60 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước các công trình xây lắp và các khoản chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.24 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.26 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Thuế suất thuế TNDN tại Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD được áp dụng theo quy định của nước sở tại.

2.28 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.483.201.453	3.307.332.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	616.227.621.525	499.324.060.003
Các khoản tương đương tiền	610.984.893.335	393.247.907.034
	<u>1.228.695.716.313</u>	<u>895.879.299.471</u>

Tại 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 610.984.893.335 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.463.000.000	-	3.463.000.000	-
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu	320.000.000	-	320.000.000	-
	<u>3.783.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.783.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2021, tiền gửi có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng có giá trị 3.463.000.000 đồng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2021			01/01/2021			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	15.561.751.611	36,00%	36,00%	15.558.286.946
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	15.796.737.939	40,83%	40,83%	19.584.382.577
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	-	35,06%	35,06%	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	30.141.836.924	27,93%	27,93%	30.127.739.923
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	11.405.680.816	36,18%	36,18%	11.037.893.648
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	959.438.031	45,45%	45,45%	959.438.031
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	94.406.724.269	36,00%	36,00%	94.366.100.883
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	125.885.346.557	36,00%	36,00%	125.911.278.572
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	58.755.103.533	41,10%	41,10%	56.377.406.640
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Dương	36,00%	36,00%	44.877.860.987	36,00%	36,00%	44.864.855.496
				397.790.480.667			398.787.382.716

ÔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

5/124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021	01/01/2021
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	2.165.892.592	(33.884.148)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	16.169.971.505	(236.724.752)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama	92.816.340.337	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	2.863.166.195	-
	255.227.056.322	(20.069.645.603)
		(19.831.161.137)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá đóng cửa tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 của các công ty này là giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama	Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh bất
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Hà Nội	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	2.534.603.447.042	-	2.714.055.714.143	-
- Ban điều hành dự án nhiệt điện Thái Bình 2	481.752.362.583	(340.238.613.776)	484.890.856.579	(287.967.267.795)
- Thyssenkrupp Industrial Solutions BRN SDN BHD	129.950.898.788	-	315.616.813.204	-
- Công ty CP Xi măng Sông Thao	70.484.307.105	(70.484.307.105)	93.038.469.571	(93.038.469.571)
- Công ty CP Xi măng Tân Thắng	64.168.361.316	-	106.364.508.569	-
- Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd- Nghi Sơn 2	97.897.400.000	-	195.508.850.000	-
- Phải thu khách hàng khác	504.714.426.674	(51.720.002.230)	493.720.483.565	(79.759.458.800)
	<u>3.883.571.203.508</u>	<u>(462.442.923.111)</u>	<u>4.403.195.695.631</u>	<u>(460.765.196.166)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>60.903.155.551</u>	<u>(3.651.641.764)</u>	<u>52.210.635.483</u>	<u>(3.651.641.764)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
- Công ty CP Lilama 45.1	35.964.881.678	-	46.365.949.049	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	165.912.850.416	(81.692.405.491)	267.483.553.549	(80.361.273.404)
	<u>702.346.331.566</u>	<u>(81.692.405.491)</u>	<u>814.318.102.070</u>	<u>(80.361.273.404)</u>
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>51.379.986.976</u>	<u>-</u>	<u>95.986.472.041</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

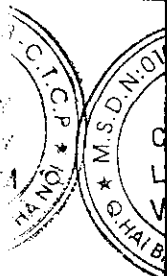
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty CP Lilama 45.1	109.861.383.422	(109.861.383.422)	109.861.383.422	(109.861.383.422)
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	<u>377.105.669.770</u>	<u>(377.105.669.770)</u>	<u>377.105.669.770</u>	<u>(377.105.669.770)</u>
b) Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	<u>135.485.661.877</u>	<u>-</u>	<u>135.485.661.877</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.886.520.252	(244.141.596.578)	232.805.807.356	(231.527.881.457)
- Tạm ứng	19.184.842.036	-	17.500.601.534	-
- Ký cược, ký quỹ	2.144.792.953	-	2.539.558.818	-
- Phải thu khắc phục dự án Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng	-	-	164.169.013.845	-
- Phải thu tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư (1)	45.937.813.423	-	48.286.685.983	-
- Phải thu khác	102.108.956.888	(54.251.882.495)	101.308.121.421	(54.251.882.495)
	<u>418.594.913.752</u>	<u>(301.525.467.273)</u>	<u>569.941.777.157</u>	<u>(288.911.752.152)</u>



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.655.300.000	-	9.585.300.000	-
	<u>8.655.300.000</u>	<u>-</u>	<u>9.585.300.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>61.725.033.290</u>	<u>(3.131.988.200)</u>	<u>49.792.329.569</u>	<u>(3.131.988.200)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

(1) Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bai Trung, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	340.238.613.776	-	352.309.512.406	64.342.244.611
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	70.484.307.105	-	93.038.469.571	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	-	20.026.382.739	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	15.097.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	5.606.090.535	-
- Các khoản khác	42.439.652.343	14.860.768.488	52.536.871.147	14.838.669.288
b. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty CP Lilama 45.1	109.861.383.422	-	109.861.383.422	-
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.112.235.998	-	11.112.235.998	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	-	75.867.468.383	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	49.335.551.717	-	39.107.456.922	-
- Công ty CP Lilama 45.3	9.251.010.773	-	6.865.390.447	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	8.760.980.540	-	8.760.980.540	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	thu hồi	Giá gốc	thu hồi
	VND	VND	VND	VND
d. Ứng trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	12.061.005.420	-	12.061.005.420	-
- Các khoản khác	2.732.964.562	-	2.732.964.562	-
	<u>1.237.627.234.133</u>	<u>14.860.768.488</u>	<u>1.286.324.805.391</u>	<u>79.180.913.899</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	770.230.742	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.967.018.913	-	7.788.649.617	-
Công cụ, dụng cụ	3.053.184.641	-	1.381.408.422	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	945.543.310.462	-	742.915.213.868	-
Thành phẩm	306.831.250	-	306.831.250	-
Hàng hoá	18.603.339.244	-	-	-
	<u>972.473.684.510</u>	<u>-</u>	<u>753.162.333.899</u>	<u>-</u>

Chi tiết các công trình:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	460.464.818.787	322.593.718.943
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	37.959.188.301	36.443.231.054
- Nhà máy Phân đạm A/U Brunei	-	10.737.816.370
- Nhà máy hóa dầu Long Sơn	71.880.454.280	18.674.900.769
- Nhà máy điện Văn Phong 1	32.807.422.502	-
- Các công trình khác	342.431.426.592	354.465.546.732
	<u>945.543.310.462</u>	<u>742.915.213.868</u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	35.579.511.953	35.579.511.953
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3	4.025.382.349	4.025.382.349
- Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn	1.167.547.045	1.167.547.045
	<u>40.772.441.347</u>	<u>40.772.441.347</u>

ÔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

5/124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	157.798.684.056	227.479.559.020	342.369.156.063	10.019.464.459	26.759.699.230	764.426.562.828					
- Mua trong năm	-	266.517.082	252.440.413	31.818.181	417.416.642	968.192.318					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	322.521.000	-	-	-	322.521.000					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.384.624.009)	(2.161.325.457)	(1.483.261.280)	(19.513.553.342)	(27.542.764.088)					
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	(41.516.628)	(454.239.469)	(47.887.452)	(35.627.020)	-	(579.270.569)					
Số dư cuối năm	157.757.167.428	223.229.733.624	340.412.383.567	8.532.394.340	7.663.562.530	737.595.241.489,00					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	101.674.361.255	155.898.967.338	309.481.394.481	8.905.721.540	25.938.273.674	601.898.718.288					
- Khấu hao trong năm	6.037.244.770	9.343.391.569	11.982.243.263	542.013.600	399.236.281	28.304.129.483					
- Giảm khác	-	-	-	(61.130.143)	-	(61.130.143)					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.864.955.471)	(2.161.325.457)	(1.483.261.280)	(19.513.553.342)	(27.023.095.550)					
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	(18.249.447)	(190.692.802)	(20.947.968)	(19.867.437)	-	(249.757.654)					
Số dư cuối năm	107.693.356.578	161.186.710.634	319.281.364.319	7.883.476.280	6.823.956.613	602.868.864.424					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	56.124.322.801	71.580.591.682	32.887.761.582	1.113.742.919	821.425.556	162.527.844.540					
Tại ngày cuối năm	50.063.810.850	62.043.022.990	21.131.019.248	648.918.060	839.605.917	134.726.377.065					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 62.584.671.372 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 360.590.977.276 đồng.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	23.522.000.000	3.477.052.728	26.999.052.728
Số dư cuối năm	<u>23.522.000.000</u>	<u>3.477.052.728</u>	<u>26.999.052.728</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.390.458.315	874.796.685	6.265.255.000
- Trích khấu hao	1.176.099.996	434.439.604	1.610.539.600
Số dư cuối năm	<u>6.566.558.311</u>	<u>1.309.236.289</u>	<u>7.875.794.600</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.131.541.685	2.602.256.043	20.733.797.728
Tại ngày cuối năm	<u>16.955.441.689</u>	<u>2.167.816.439</u>	<u>19.123.258.128</u>

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16.253.857.047	2.116.238.184	18.370.095.231
Số dư cuối năm	<u>16.253.857.047</u>	<u>2.116.238.184</u>	<u>18.370.095.231</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.701.690.466	1.701.690.466
- Khấu hao trong năm	-	414.547.718	414.547.718
Số dư cuối năm	-	<u>2.116.238.184</u>	<u>2.116.238.184</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	16.253.857.047	414.547.718	16.668.404.765
Tại ngày cuối năm	<u>16.253.857.047</u>	-	<u>16.253.857.047</u>

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của đơn vị là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 đồng, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2021 là 37.092.160.142 đồng, khấu hao trong năm là 2.305.156.152 đồng, giá trị còn lại của tài sản là 20.035.803.378 đồng.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	123.345.097	106.056.818
Chi phí trả trước công trình Nam Côn Sơn	-	2.706.471.074
Chi phí trả trước công trình Long Sơn	36.681.815	188.084.424
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	368.141.514	621.401.265
	<u>528.168.426</u>	<u>3.622.013.581</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	8.254.754.812	21.888.500.483
Chi phí trả trước dài hạn dự án Điện Văn Phong I	25.664.425.924	16.424.030.272
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.976.780.413	9.311.620.989
Chi phí thuê đất	8.031.476.490	8.343.378.486
Chi phí trả trước công trình Nhà máy Phân đạm A/U Brunei	-	18.917.284.135
Công cụ, vật tư trả trước cho các công trình, dự án	15.115.373.386	36.864.303.309
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.706.483.708	8.728.302.659
	68.749.294.733	120.477.420.333

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	1.877.305.117.153	1.877.305.117.153	1.904.371.912.851	1.904.371.912.851
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	284.925.704.791	284.925.704.791	290.283.288.661	290.283.288.661
- Công ty CP Lilama 18	195.287.544.916	195.287.544.916	141.718.306.256	141.718.306.256
- Liên doanh Tập đoàn Toshiba và Tập đoàn Sojitz	195.533.697.067	195.533.697.067	191.529.707.251	191.529.707.251
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	93.209.010.165	93.209.010.165	101.279.171.599	101.279.171.599
- Công ty CP Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	107.038.842.393	107.038.842.393	104.204.313.720	104.204.313.720
- Phải trả các đối tượng khác	1.119.628.572.379	1.119.628.572.379	1.080.022.543.769	1.080.022.543.769
	3.872.928.488.864	3.872.928.488.864	3.813.409.244.107	3.813.409.244.107
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	381.632.509.940	381.632.509.940	313.893.169.352	313.893.169.352

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

C.T. HAN TOA C TP

M.S.D.A

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	17.978.447.431	13.653.421.029	26.052.996.811	24.588.534.650	18.095.451.649	15.234.887.408				
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	1.546.477.254	1.546.477.254	1.743.892.812	-				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.431.246.005	3.309.727.060	28.186.902.086	7.941.328.142	7.964.777.575	16.088.832.574				
Thuế Thu nhập cá nhân	344.094.421	991.379.450	1.993.695.060	1.577.526.559	-	1.063.453.530				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	1.338.919.666	5.967.584.841	6.027.330.943	-	1.279.173.564				
Các loại thuế khác	10.286.984	1.280.336.358	10.576.978.286	9.284.881.727	10.286.984	2.572.432.917				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	14.858.278	14.858.278	-	-				
	35.507.967.653	20.573.783.563	74.339.492.616	50.980.937.553	27.814.409.020	36.238.779.993				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- ThyssenKrupp Industrial	-	17.987.174.954
- Chi nhánh Ban quản lý Dự án Đông Nam Bộ - Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP	-	17.786.090.112
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.733.518.297
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA NĐ BOT Vân Phong 1	33.132.262.150	85.705.015.901
- Liên danh TPSK - Thầu chính thi công gói thầu A1 - XDNM OLEFINS và các CV có liên quan	-	46.585.297.517
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	31.604.484.770	-
- Các đối tượng khác	9.010.954.539	64.182.307.718
	<u>114.525.199.603</u>	<u>272.979.404.499</u>

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	65.802.241.849	42.243.151.625
- Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	-	124.404.394.022
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	113.667.365.179
- Công trình Nhiệt điện Thái Bình 2	94.818.585.884	77.436.110.960
- Nhà máy phân đạm A/U Brunei	31.266.625.061	24.857.394.523
- Công trình Nhiệt điện Nghi Sơn 2	53.332.597.208	87.390.128.579
- Công trình đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	-	28.003.163.456
- Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	14.042.561.248	13.204.882.006
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA NĐ BOT Vân Phong 1	61.666.160.829	2.355.511.200
- Chi phí phải trả khác	89.135.012.011	124.611.409.367
	<u>518.896.661.737</u>	<u>638.173.510.917</u>

b) Chi phí phải trả dài hạn

- Chi phí công trình Xi măng Bút Sơn	1.588.264.113	1.588.264.113
	<u>1.588.264.113</u>	<u>1.588.264.113</u>

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	133.134.546	171.361.819
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất	638.611.460	638.611.460
	<u>771.746.006</u>	<u>809.973.279</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất Bắc Vinh	15.630.631.311	16.269.242.771
	<u>15.630.631.311</u>	<u>16.269.242.771</u>
22 . PHẢI TRẢ KHÁC		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.947.623.396	4.687.039.777
- Bảo hiểm xã hội	28.205.789.801	26.942.676.592
- Bảo hiểm y tế	1.237.958.731	623.507.596
- Bảo hiểm thất nghiệp	501.665.373	472.363.675
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	615.370.000	115.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	488.929.340	747.068.090
- Phải trả lãi vay	-	7.921.771.585
- Phải trả tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ	-	15.282.491.174
- Phải trả tạm ứng cho nhân viên	44.065.086.305	46.823.703.098
- Doosan Heavy industries & Construction Co.,Ltd	1.013.623.569	15.546.577.794
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.673.196.188	21.701.137.996
	<u>97.949.242.703</u>	<u>141.063.707.377</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	842.586.839	883.626.839
	<u>842.586.839</u>	<u>883.626.839</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>	<u>852.859.679</u>	<u>8.612.659.176</u>
23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	38.137.116.243	12.993.580.874
- Dự phòng chi phí hoàn nguyên	30.293.850.168	12.993.580.874
	7.843.266.075	-
	<u>38.137.116.243</u>	<u>12.993.580.874</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.783.731.161	-
	<u>2.783.731.161</u>	<u>-</u>

CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.596.849.163.561	1.596.849.163.561	2.555.440.088.045	2.623.642.581.492	1.528.646.670.114	1.528.646.670.114
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (1)	1.189.350.134.903	1.189.350.134.903	2.469.720.273.742	2.529.948.912.097	1.129.121.496.548	1.129.121.496.548
- Công ty Cổ phần Lilama 5 (2)	227.203.579.062	227.203.579.062	-	861.985.018	226.341.594.044	226.341.594.044
- Công ty Cổ phần Lilama 7 (3)	75.814.442.362	75.814.442.362	56.962.333.949	56.664.241.140	76.112.535.171	76.112.535.171
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama (4)	104.481.007.234	104.481.007.234	28.757.480.354	36.167.443.237	97.071.044.351	97.071.044.351
- Nợ dài hạn đến hạn trả	3.774.081.396	3.774.081.396	2.156.943.896	3.774.081.396	2.156.943.896	2.156.943.896
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (1)	3.380.681.400	3.380.681.400	1.763.543.900	3.380.681.400	1.763.543.900	1.763.543.900
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama (4)	393.399.996	393.399.996	393.399.996	393.399.996	393.399.996	393.399.996
Tổng cộng	1.600.623.244.957	1.600.623.244.957	2.557.597.031.941	2.627.416.662.888	1.530.803.614.010	1.530.803.614.010
b) Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (1)	5.254.030.100	5.254.030.100	-	3.380.681.400	1.873.348.700	1.873.348.700
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama (4)	1.278.550.007	1.278.550.007	-	393.399.996	885.150.011	885.150.011
Tổng cộng	6.532.580.107	6.532.580.107	-	3.774.081.396	2.758.498.711	2.758.498.711
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.774.081.396)	(3.774.081.396)	(2.156.943.896)	(3.774.081.396)	(2.156.943.896)	(2.156.943.896)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2.758.498.711	2.758.498.711	-	601.554.815	601.554.815	601.554.815

Thông tin chi tiết về các khoản vay được trình bày tại phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000		1.694.624.230	(32.374.321.082)	(5.099.198.308)	61.017.446.779	18.290.851	237.458.959.757	68.535.338.989	1.128.512.181.216								
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	58.560.988.581	21.227.551.891								
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	18.880.690.000	-	(60.902.001.600)	-	(42.021.311.600)								
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	1.316.230.670	-	-	-	-	733.252.859								
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(52.236.999)	(188.424.666)	(240.661.665)								
Tăng khác do công ty con hoàn nhập cổ tức tại Lilama 7	-	-	-	-	-	-	-	1.020.000.000	980.000.000	2.000.000.000								
Giảm khác theo nghị định 132	-	-	-	-	-	-	-	(6.399.798.492)	(1.247.818.598)	(7.647.617.090)								
Giảm khác	-	-	-	-	(2.327.094.654)	-	-	(311.118)	311.121	(2.327.094.651)								
Số dư cuối năm trước	797.261.040.000		1.694.624.230	(32.374.321.082)	(6.110.062.292)	79.898.136.779	18.290.851	229.685.600.129	30.162.992.345	1.100.236.300.960								
Số dư đầu năm nay	797.261.040.000		1.694.624.230	(32.374.321.082)	(6.110.062.292)	79.898.136.779	18.290.851	229.685.600.129	30.162.992.345	1.100.236.300.960								
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	15.034.447.445	(34.441.711.700)	(19.407.264.255)								
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-	-	-	-	6.589.770.000	-	(30.598.000.800)	-	(24.008.230.800)								
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(3.415.315.352)	-	-	-	561.151.898	(2.854.163.454)								
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.223.581.218)	-	(2.223.581.218)								
Số dư cuối năm nay	797.261.040.000		1.694.624.230	(32.374.321.082)	(9.525.377.644)	86.487.906.779	18.290.851	211.898.465.556	(3.717.567.457)	1.051.743.061.233								

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 211/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021, Tổng Công ty Lập máy Việt Nam - CTCP công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ đầu tư phát triển	VND 6.589.770.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.063.010.000
Chi trả cổ tức (bằng 2% vốn điều lệ)	15.945.220.800
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	6.227.783.290

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Cổ đông nhà nước	97,88%	780.324.040.000	97,88%	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12%	16.937.000.000	2,12%	16.937.000.000
	100%	797.261.040.000	100%	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	747.068.090	696.587.465
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	15.945.220.800	31.890.441.600
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.945.220.800	31.890.441.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(16.203.359.550)	(31.839.960.975)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(16.203.359.550)	(31.839.960.975)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	488.929.340	747.068.090

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	86.487.906.779	79.898.136.779
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.290.851	18.290.851
	86.506.197.630	79.916.427.630

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, điện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể.

- Công ty CP Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại số 179 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm trụ sở Công ty CP Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 14.867 m². Theo các hợp đồng này, Công ty CP Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm.

- Công ty CP Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại khu phố số 6, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm nhà máy chế tạo TB và KCT thuộc Công ty CP Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 26.435,9 m², theo các hợp đồng này, Công ty CP Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm.

- Công ty CP Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm nhà xưởng cơ khí và cốt ép thuộc Công ty CP Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 16.512,25 m², theo các hợp đồng này, Công ty CP Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm.

- Công ty CP Lilama 7 ký các hợp đồng thuê đất tại số 06 Hoàng Văn Thụ, Hải Châu, Đà Nẵng để làm cơ sở sản xuất kinh doanh của Công ty CP Lilama 7. Diện tích khu đất thuê là 99,6 m², theo các hợp đồng này, Công ty CP Lilama 7 phải trả tiền thuê đất hàng năm.

- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama ký các hợp đồng thuê đất tại số khu đất số 72E, đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất của Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama. Diện tích khu đất thuê là 29.873 m², theo các hợp đồng này, Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama phải trả tiền thuê đất hàng năm (43 năm từ ngày 01/07/2003 đến 01/07/2046).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21.603.780,61	19.690.153,41
- Đồng Euro (EUR)	321,18	2.672,10
- Đô la Brunei (BND)	138.277,00	232.322,23

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.323.093.592	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.743.942.581.907	5.892.307.780.125
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.984.182.064	82.028.765.132
Doanh thu bán hàng	7.215.004.048	85.953.791.423
	3.826.141.768.019	6.060.290.336.680
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	41.402.204.742	120.431.220.357

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, chế tạo thiết bị	3.561.014.244.055	5.617.791.513.199
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.124.330.656	81.483.432.324
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.197.559.809	85.830.668.557
	3.634.336.134.520	5.785.105.614.080
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	1.589.361.737.343	1.463.370.165.952

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.749.577.509	37.817.662.509
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.089.166.530	4.737.196.530
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.327.767.706	50.461.030.062
Lãi trả chậm	8.478.267.764	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.975.939.052
	59.644.779.509	96.991.828.153
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	18.540.062.621	17.222.650.745

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	119.162.531.396	130.032.961.842
Lãi mua hàng trả chậm	-	491.956.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.476.592.271	34.722.824.432
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	181.012.993	6.999.321.867
Dự phòng tổn thất đầu tư	(1.911.354.299)	691.414
Dự phòng lãi cho vay khó đòi	12.613.715.121	24.249.045.899
Chi phí tài chính khác	98.765.793	135.875.165
	150.621.263.275	196.632.676.774

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	737.400.779	1.060.145.933
Chi phí nhân công	62.514.849.558	85.126.834.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.220.623.183	5.763.201.441
Thuế, phí, lệ phí	36.778.655	186.711.418
Chi phí dự phòng	14.331.952.624	16.656.855.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.021.891.459	20.982.551.269
Chi phí khác bằng tiền	9.574.242.549	14.660.909.985
	106.437.738.807	144.437.209.821

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	18.761.469.717	4.867.466.323
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ	1.395.896.124	-
Thu nhập từ công nợ không phải trả	488.526.137	-
Thu nhập khác	843.855.619	1.238.199.238
	21.489.747.597	6.105.665.561

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	276.533.282	-
Các khoản bị phạt	205.523.293	231.032.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định không tham gia sản xuất kinh doanh	4.289.382.000	-
Chi phí khác	1.997.033.161	1.902.018.233
	6.768.471.736	2.133.050.352

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	14.544.526.586	10.543.108.079
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	13.596.507.570	901.096.604
	28.141.034.156	11.444.204.683

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.034.447.445	58.560.988.581
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.034.447.445	58.560.988.581
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	79.726.104	79.726.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	189	735

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.736.354.099	345.069.835.872
Chi phí nhân công	332.420.851.004	671.183.808.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.344.983.618	36.874.686.244
Chi phí dự phòng	14.331.952.624	17.260.200.249
Dự phòng bảo hành	28.632.467.225	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.893.328.627	502.271.659.522
Chi phí thuê thầu phụ	3.070.448.829.029	4.110.382.770.371
Chi phí khác bằng tiền	146.998.983.130	237.252.992.811
	3.954.807.749.356	5.920.295.953.950

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.228.695.716.313	-	895.879.299.471	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.310.821.417.260	(763.968.390.384)	4.982.722.772.788	(749.676.948.318)
Các khoản cho vay	380.568.669.770	(377.105.669.770)	380.568.669.770	(377.105.669.770)
	5.920.085.803.343	(1.141.074.060.154)	6.259.170.742.029	(1.126.782.618.088)

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.531.405.168.825	1.603.381.743.668
Phải trả người bán, phải trả khác	3.971.720.318.406	3.955.356.578.323
Chi phí phải trả	520.484.925.850	639.761.775.030
	<u>6.023.610.413.081</u>	<u>6.198.500.097.021</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.228.695.716.313	-	-	1.228.695.716.313
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.538.197.726.876	8.655.300.000	-	3.546.853.026.876
Các khoản cho vay	3.463.000.000	-	-	3.463.000.000
	4.770.356.443.189	8.655.300.000	-	4.779.011.743.189
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	895.879.299.471	-	-	895.879.299.471
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.223.460.524.470	9.585.300.000	-	4.233.045.824.470
Các khoản cho vay	3.463.000.000	-	-	3.463.000.000
	5.122.802.823.941	9.585.300.000	-	5.132.388.123.941

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.530.803.614.010	601.554.815	-	1.531.405.168.825
Phải trả người bán, phải trả khác	3.970.877.731.567	842.586.839	-	3.971.720.318.406
Chi phí phải trả	518.896.661.737	1.588.264.113	-	520.484.925.850
	6.020.578.007.314	3.032.405.767	-	6.023.610.413.081
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	1.600.623.244.957	2.758.498.711	-	1.603.381.743.668
Phải trả người bán, phải trả khác	3.954.472.951.484	883.626.839	-	3.955.356.578.323
Chi phí phải trả	638.173.510.917	1.588.264.113	-	639.761.775.030
	6.193.269.707.358	5.230.389.663	-	6.198.500.097.021

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Hoạt động xây</u>	<u>Tổng cộng toàn</u>
	<u>VND</u>	<u>lắp, dịch vụ</u>	<u>doanh nghiệp</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.215.004.048	3.818.926.763.971	3.826.141.768.019
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.444.239	191.788.189.260	191.805.633.499
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1.290.713.318
Tài sản không phân bổ	-	-	7.393.135.259.321
Tổng tài sản	-	-	7.393.135.259.321
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.341.962.720.528
Tổng nợ phải trả	-	-	6.341.962.720.528

Theo khu vực địa lý

	<u>Việt Nam</u>	<u>Nước ngoài</u>	<u>Tổng cộng toàn</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>doanh nghiệp</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.437.645.367.352	388.496.400.667	3.826.141.768.019
Tài sản bộ phận	-	-	7.393.135.259.321
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1.290.713.318

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.402.204.742	120.431.220.357
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	302.457.856	1.637.072.393
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	186.937.509	694.797.205
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	163.235.200	172.369.280
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	91.593.805	35.099.850
Công ty Cổ phần Lilama 10	10.361.671.253	5.928.736.067
Công ty Cổ phần Lilama 18	18.728.825.683	47.434.177.883
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	6.272.749.861	39.417.882.663
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	5.294.733.575	25.111.085.016
Mua hàng	1.589.361.737.343	1.463.370.165.952
Công ty Cổ phần Lilama 10	363.490.853.668	322.781.233.976
Công ty Cổ phần Lilama 18	804.120.787.037	686.853.542.624
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	37.037.050.715	105.796.424.430
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	343.317.494.571	286.135.260.991
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	30.740.824.341	53.223.665.652
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	10.654.727.011	8.580.038.279
Cổ tức được chia	5.926.347.500	4.574.377.500
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	2.365.947.500	1.013.977.500
Lãi cho vay	12.613.715.121	12.648.273.245
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	10.228.094.795	10.256.116.973
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.385.620.326	2.392.156.272

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	60.903.155.551	52.210.635.483
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	14.638.595.020	14.305.891.379
Công ty Cổ phần Lilama 10	4.762.166.655	6.771.612.846
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	30.120.539.859	19.399.855.829
Công ty Cổ phần Lilama 18	4.523.428.220	4.525.287.796
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	3.510.895.558
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.674.432.143	2.633.738.957
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	631.003.768	1.022.261.694
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	1.412.928	1.491.424
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	39.600.000	39.600.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	51.379.986.976	95.986.472.041
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	35.964.881.678	46.365.949.049
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	11.431.018.327	11.431.018.327
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.409.793.614	1.409.793.614
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	2.574.293.357	36.779.711.051

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu về cho vay	135.485.661.877	135.485.661.877
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	109.861.383.422	109.861.383.422
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	25.624.278.455
Phải thu khác	61.725.033.290	49.792.329.569
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	49.335.551.717	39.107.456.922
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	9.257.493.373	6.865.390.447
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	3.131.988.200
Công ty Cổ phần Lilama 10	-	218.006.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	-	287.216.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	182.272.000
Phải trả người bán	381.632.509.940	313.893.169.352
Công ty Cổ phần Lilama 18	195.287.544.916	142.008.425.722
Công ty Cổ phần Lilama 10	119.340.407.549	99.076.295.537
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	41.398.936.695	51.522.432.208
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	141.800.000	141.800.000
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	25.463.820.780	21.144.215.885
Phải trả khác	852.859.679	8.612.659.176
Công ty Cổ phần Lilama 18	545.167.047	2.864.745.248
Công ty Cổ phần Lilama 10	180.143.964	5.487.399.424
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	3.510.720	3.510.720
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	23.115.456	102.543.872
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	43.903.860	16.336.320
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	-	38.864.960
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	-	42.240.000

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	Thu nhập năm	Thu nhập năm
		2021	2020
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	516.000.000	456.000.000
Ông Nguyễn Đình Hải	Chủ tịch, miễn nhiệm ngày 01/11/2020	-	430.000.000
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên bổ nhiệm ngày 29/06/2021	42.000.000	-
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, Đường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

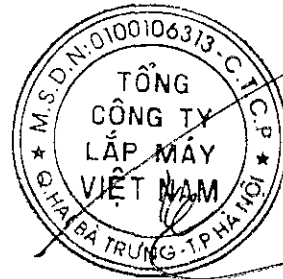
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	Thu nhập năm	Thu nhập năm
		2021	2020
		VND	VND
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	564.000.000	540.000.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	384.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	444.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	384.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	444.000.000
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	-	-

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.





Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

63
NG
T
MÁ
NA
3-1

ỨC 1: VAY NGÂN HẠN

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/518/HỆTDHM ngày 01/02/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 14/06/2021	2.600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 31/12/2021	850.696.244.239	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng	Không có tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/518/HỆTD ngày 01/02/2021	200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 31/12/2021	11.504.849.450	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Không có tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 97/2021/HỆTD/PHG/01 ngày 12/04/2021	1.300.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Đến ngày 12/04/2022	266.920.402.859	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Không có tài sản đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay từng lần số 18910307/2018-HĐCVTL/NHCT422-LILAMA ngày 6/7/2018	8.200.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 9 tháng	5.558.523.200	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện HĐKT số 01/XL3-L1.5 ngày 12/12/2017 - thi công xây dựng nhà máy nghiên cứu xi măng, nhà nén khí, dự án xi măng Bỉm Sơn.	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng tín dụng số 50201/2017-HỆTD/NHCT422-LONGPHU1 ngày 28/02/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	09 tháng	8.253.852.129	Thanh toán chi phí dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay từng lần số 17881509/2017-HĐCVTL/NHCT422-PHUTHO ngày 18/09/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 9 tháng	29.154.166.567	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện gói thầu xây lắp trạm biến áp 220kv Phú Thọ	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp
4	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bỉm Sơn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/295277/HỆTD ngày 28/12/2018	197.224.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	12 tháng	183.375.052.148	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, ký quỹ.

UC 1 : VAY NGẮN HẠN

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hợp đồng tín dụng hạn mức 26.07/2021/HĐTĐ ngày 26/7/2021	60.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ	Được xác định cụ thể theo từng kỳ ước nhận nợ	39.959.026.332	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cầm cố nêu trong hợp đồng
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2000-LAV-202001397 ngày 13/11/2020 và phụ lục số 2501/PLHĐTĐ/2000-LAV-20201397	40.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ	Được xác nhận cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ	36.153.508.839	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	Quy định cụ thể trên các hợp đồng tín dụng hạn mức	Lãi suất được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ	Được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ	97.071.044.351	Thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp công trình	Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản
Tổng cộng					1.528.646.670.114		

HỤ LỤC 2 : VAY DÀI HẠN

Tham chiếu	STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuế	Thời hạn thuế (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2021	Nợ dài hạn đến hạn trả
Công ty Cổ phần Lắp máy Việt Nam - CTCP (1)	1	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: Hợp đồng cho thuê tài chính số 102.16.02/CTTC ngày 03/02/2016	Cần trục tháp 50 tấn và hệ thống tời	72 tháng	Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay	1.617.137.500	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng
	2	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội: Hợp đồng cho thuê tài chính số 21718000077/HĐCTTC ngày 20 tháng 07 năm 2018	Xe ô tô Toyota Innova G2.0	60 tháng	Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay	256.211.200	146.406.400
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Silama (4)	1	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Xe tải thùng có gắn cầu trục 15 tấn	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 6 tháng/1 lần, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4,5 tháng/ năm	885.150.011	393.399.996
Tổng cộng						2.758.498.711	539.806.396

